



POETRY NARRATES THƠ KỂ

AN ANTHOLOGY OF
VIETNAMESE NEW FORMALISM POETRY
A BILINGUAL EDITION

TUYỂN TẬP THƠ TÂN HÌNH THỨC
ẤN BẢN SONG NGỮ



TAN HINH THUC PUBLISHING CLUB

POETRY NARRATES

THƠ KÊ

*An Anthology of Vietnamese
New Formalism Poetry*

A Bilingual Edition

Editor
Khế Iêm

Consulting Editor
Richard H. Sindt

Translators
Biển Bắc, Đỗ Vinh, Phan Khế, Trần Vũ Liên Tâm

Tan Hinh Thuc Publishing Club
2009

Tan Hinh Thuc Publishing Club
P. O. Box 1745
Garden Grove, CA 92842

World Wide Web Site
<http://www.thotanhinhthuc.org>

©2009 by Tan Hinh Thuc
All rights reserved

Cover
Ca Trù, Vietnamese Music, painting by *Nguyễn Đại Giang*

Cover Design
Bim

Printed in The United States of America

Poetry Narrates
Thơ Kể

Editor *Khế Iêm*
Consulting Editor *Richard H. Sindt*

Translator
Biển Bắc, Đỗ Vinh, Phan Khế, Trần Vũ Liên Tâm

Library of Congress Control Number: 2009942300

ISBN 0-9778742-3-0

Poetry Narrated

Thơ Kể

THƯ CẢM TẠ

Làm một tuyển tập thơ bình thường đã khó, làm một tuyển tập thơ song ngữ còn khó hơn. Nhất là đối với một dòng thơ muốn đưa thơ Việt hòa nhập vào thế giới rộng lớn. Thơ Việt từ bao lâu tới giờ chưa hề được nhận biết từ những nền thơ khác, mặc dù chúng ta có một nền thơ cũng đặc sắc không kém, chỉ vì chúng ta sử dụng một ngôn ngữ chỉ chúng ta hiểu được với nhau. Thay đổi cách sáng tác cho phù hợp với sự chuyển dịch, còn phải có sáng tác hay và những người dịch tài năng. Tất cả những yếu tố đó không dễ dàng mà có được. Chúng tôi nêu lên những khó khăn như vậy để gửi lời cảm ơn đến những dịch giả Biển Bắc, J. Do Vinh, Phan Khế, Trần Vũ Liên Tâm, editor Richard H. Sindt, nhà văn Phạm Kiều Tùng, và những nhà thơ đã có thơ trong tuyển tập này. Mong bạn đọc đón nhận và cảm thông nếu chúng tôi có điều gì sai sót.

ACKNOWLEDGMENTS

Putting together a normal collection of poetry is already a difficult task; to produce a collection of poetry in two languages is even more difficult, especially with a form of poetry that wishes to launch Vietnamese poetry onto the international scene. For a long time now, Vietnamese poetry has not been recognized by other poetic traditions, even though we have a solid foundation in poetry that is second to none. We are restricted because we have utilized a language that only we can understand among ourselves. Other than changing the way poetry is written to conform to the requirements of translation, good poems as well as skilled translators are necessary for a successful poetry book. These are conditions that are not easily gained. We mention these difficulties along with the intent to thank our translators Biền Bắc, J. Do Vinh, Phan Khé, Trần Vũ Liên Tâm, editor Richard H. Sindt, editor Angela Saunders, writer Phạm Kiều Tùng, and the poets whose poems appear in this collection. We ask for your sympathy and understanding for any errors that might appear within.

CONTENTS

MỤC LỤC

Acknowledgments <i>Thư Cảm Tạ</i>	vii
Introduction <i>Angela Saunders</i>	xxi
Publisher's Notes <i>Ghi Chú Của Nhà Xuất Bản</i>	xxxi
 <u>Translated by Biển Bắc</u> <u><i>Biển Bắc dịch</i></u>	
 Biển Bắc's poems <i>Thơ Biển Bắc</i>	
A Gaze / Empty Space <i>Ánh Nhìn / Khoảng Không</i>	3
This Morning / (In) The Spring Garden / Plucking Flowers <i>Buổi Sáng / Vườn Hoa / Hái Hoa</i>	5
Storm In A Glass (of Water) <i>Giông Bão Trong Ly Nước</i>	7

At The Station <i>Nơi Bến Ga</i>	9
Rubbing <i>Cọ Xát</i>	11
Numbers <i>Những Con Số</i>	13
<u>Translated by Đỗ Vinh</u> <u>Đỗ Vinh dịch</u>	
Đỗ Vinh's Poems <i>Thơ Đỗ Vinh</i>	
The Last Poem	18
The Last Last Poem	19
Gyảng Anh Iên's Poems <i>Thơ Gyảng Anh Iên</i>	
Colorless <i>Vô Sắc</i>	21
Soundless <i>Vô Thanh</i>	25
Written For Remote Past Ssdness <i>Viết Cho Những Nỗi Buồn Viễn Cũ</i>	27

Silent Song	29
<i>Lặng Khúc</i>	

Khế Iêm's Poems
Thơ Khế Iêm

Stairs	31
<i>Bậc Thang</i>	

Pages (From A Book)	35
<i>Trang Sách</i>	

Chairs	39
<i>Chiếc Ghế</i>	

A Saying	41
<i>Câu Nói</i>	

Suffering	45
<i>Khổ Đau</i>	

Lý Đợi's Poems
Thơ Lý Đợi

With Cung Tiến And Phạm Vũ Nguyên	49
<i>Và Cung Tiến Và Phạm Vũ Nguyên</i>	

A Vũ Nguyên Poem For Helena Okavitch Phạm	51
<i>Thơ Vũ Nguyên Cho Helena Okavitch Phạm</i>	

Nguyễn Hoài Phương's Poems
Thơ Nguyễn Hoài Phương

23 Hr 30 Min	57
--------------	----

Nguyễn Tất Độ's Poems <i>Thơ Nguyễn Tất Độ</i>	81
A Crow <i>Đoàn Người</i>	85
Do It Again	89
The Man At The Bus Stop <i>Người Đàn Ông Ở Trạm Xe Buýt</i>	
Morning Coffee <i>Cà Phê Sáng</i>	91
Suddenly <i>Bất Chợt</i>	93
Thiên Đăng's Poems <i>Thơ Thiên Đăng</i>	95
May Rain <i>Mưa Tháng 5</i>	97
Silent Interval <i>Quãng Lặng</i>	
Trần Phục Khắc's Poems <i>Thơ Trần Phục Khắc</i>	
The Little Girl Named Season <i>Cô Bé Tên Mùa</i>	101

Drifting Clouds
Mây Bay

A Day, Pretty Much 105
Một Ngày Đại Khái

On The Sidelines
Bên Lề

TPKỳ's Poems 107
Thơ TPKỳ

Looking About 109
Nhìn Quanh

The Night Of Ocean Died 111
Đêm Biển Chết

Night Chatter 113
Lời Đêm

As If 115
Hình Như Là

Translated by Phan Khế 117
Phan Khế dịch

Phan Tấn Hải's Poem
Thơ Phan Tấn Hải

Seeing You 119
Thấy Em

Đặng Xuân Hương's Poem's
Thơ Đặng Xuân Hương

A Thought 155
Ý Tưởng

Đoàn Minh Hải's Poems 157
Thơ Đoàn Minh Hải

Scripture Of Calmness
Kinh Thản Nhiên

Skyrocket 161
Pháo Thăng Thiên

Above The Nutgrass 165
Trên Đầu Cỏ Cú

From Where 169
Từ Đâu

The Ancient Years 171
Năm Xưa

An Old Musician 175
Người Nhạc Sĩ Già

Đài Sứ' Poems
Thơ Đài Sứ

A Set Of Real Numbers 179
Tập Hợp Số Thực

A Set Of Imaginary Numbers <i>Tập Hợp Số Ảo</i>	183
In Between <i>Khoảng Giữa</i>	187
Inrasara' Poems <i>Thơ Inrasara</i>	
Wild Books <i>Sách Hoang</i>	191
Poisonous Dreams <i>Mộng Độc</i>	193
The River Lu <i>Sông Lu</i>	195
The Crying Buffaloes <i>Trâu Khóc</i>	
Mr. Phok <i>Ông Phok</i>	
One Day In The Life Of Tran Wu Khang <i>Một Ngày Trong Đời Trần Vũ Khang</i>	199
Living In Reverse <i>Sống Lùi</i>	203
A Naïve Youth <i>Trẻ Dại</i>	205

Nguyễn Đạt's Poems
Thơ Nguyễn Đạt

Once Among Many Times 207
Một Lần Giữa Nhiều Lần

Da Tho Cemetery 209
Nghĩa Trang Đa Thọ

Poems' Nguyễn Đình Chính 211
Thơ Nguyễn Đình Chính

Please Go Phượt, Oh My Darling 213
Đi Phượt Em Oi

True Face Of Love
Gương Mặt Tình yêu

Your Eyes Are So Sad 215
Đôi Mắt Em Buồn Biết Mấy

This Morning You Went... 217
Sáng Nay Mi Đi...

Flying High 221
Bay Lên

Nguyễn Phan Thịnh's Poems
Thơ Nguyễn Phan Thịnh

A Stranger 223
Kẻ Lạ

The Holy Land Of Maya	225
<i>Thánh Địa Maya</i>	227
She Is Radiant Like A Peafowl	
<i>Nàng Rực Rỡ Như Chim Công</i>	231
Poems' Thiên Đăng	
<i>Thơ Thiên Đăng</i>	233
Mom	
<i>Mẹ</i>	
The Eyes Of A Myopic Guy	
<i>Cặp Mắt Của Gã Cận Thị</i>	235
A Brief Chapter Last Year	
<i>Đoản Chương Năm Ngoái</i>	237
<u>Translated by Trần Vũ Liên Tâm</u>	
<u><i>Trần Vũ Liên Tâm dịch</i></u>	
Bỉm's Poems	
<i>Thơ Bỉm</i>	239
Some Discarded Dishes	
<i>Vài Món Bị Đổ Đi</i>	241
Blabber	
<i>Lảm Nhảm</i>	245
Small Petty	
<i>Tủn Mủn</i>	

Đài Sứ's Poems <i>Thơ Đài Sứ</i>	247
Still Life <i>Tĩnh Vật</i>	249
Recipes For An Autumn Season <i>Cách Làm Mùa Thu</i>	
Conclusion <i>Kết Quả</i>	251
Shadow <i>Bóng</i>	257
Đỗ Quyên's Poems <i>Thơ Đỗ Quyên</i>	261
Does Bolsa Have Anything New, Honey? <i>Bolsa Có Gì Lạ Không Em?</i>	
Literature Story, Mouse Story, Cat Story <i>Chuyện Văn, Chuyện Chuột, Chuyện Mèo</i>	263
Left Hand Poetry, Right Hand Mountain <i>Tay Trái Thơ, Tay Phải Núi</i>	267
Gyảng Anh Iên's Poems <i>Thơ Gyảng Anh Iên</i>	269
Daily Journal <i>Nhật Ký</i>	271

Ethic

Crab-Meat Noodle Soup
Bún Riêu

Suite Number 5
Tổ Khúc Thứ 5

The Elegy
Bài Thơ Điếu

Huy Hùng' Poems
Thơ Huy Hùng

White Clouds
Mây Trắng

An Apple

Nguyễn Tất Độ's Poems
Thơ Nguyễn Tất Độ

Emptiness
Trống Rỗng

What It Is Still Depends...
Là Cái Gì Thì Còn Tùy

The Black Mark And A Piece Of Paper
Vết Mực Và Tờ Giấy

Two Sentences

Hai Câu

(Some) Insane People

(Những) Người Điên

Nguyễn Hoài Phương's Poems

Thơ Nguyễn Hoài Phương

Market Day

Phiên Chợ

The Poem About The Matches

Bài Thơ Về Những Que Diêm

X And Y

X Và Y

Nguyễn Thị Khánh Minh's Poems

Thơ Nguyễn Thị Khánh Minh

The Breaking Place

Nơi Đang Vỡ

The Sensation Of Waves

Cảm Giác Sóng

Looking Up The Sky

Ngó Lên Trời

LỜI GIỚI THIỆU

Angela Saunders

Đường lối có tác dụng mạnh mẽ để trải nghiệm một nền văn hóa là trải nghiệm nền văn chương của nó. “Thơ Kể – Tuyển Tập Thơ Tân Hình Thức Việt” là một sưu tập thật hay gồm những bài thơ giàu chất văn hóa. Thơ tuyển trong tuyển tập này tạo ra một đường dẫn đáng lưu ý qua đó người ta có thể trải nghiệm những suy tư và những cân nhắc sâu thẳm nhất của thi sĩ được in sâu với sắc thái phong phú giữa lòng một trải nghiệm văn hóa.

Những bài thơ trong tuyển tập vừa giản dị một cách quyến rũ vừa phức tạp một cách thâm sâu. Trong đây, bạn sẽ nhận ra những mối quan hệ được giải thích bằng những phương trình toán học mà chúng khiến bạn phải trở lui đọc lại nhiều lần để trẫm tư về những điều huyền bí của những mối dây liên kết những con người. Những bài thơ mở ra cho người đọc một thế giới khác ở đó hạnh phúc không phải luôn là cận kề, mà mỗi trải nghiệm dung tục có được sinh khí thông qua những chữ. Cuộc sống thường ngày được chụp bắt trong bức ảnh làm bằng những chữ, và đôi khi ta thấy cuộc sống không phải luôn là dễ chịu. Tuy nhiên thi ca không buộc phải nắm

INTRODUCTION

Angela Saunders

A powerful way to experience a culture is to experience their literature. “Poetry Narrates – An Anthology of Vietnamese New Formalism Poetry” is a beautiful collection of culturally rich poems. The poetry chosen for this anthology creates a remarkable path through which one can experience the innermost thoughts and ponderings of the poet embedded richly within the cultural experience.

The poetry contained within this anthology is both captivatingly simplistic and profoundly complex. Herein, you will find relationships explained in mathematical equations that will have you going back to re-read them multiple times to ponder the mysteries of the human bond. The poems open the reader up to another world in which happiness is not always found around the corner, but each common place experience is given breath through words. Every day life is captured in a photograph of words and sometimes, that life is not always pleasant. Poetry, however, does not have to capture

bắt điều dễ chịu, đúng hơn là nó nắm bắt cái yếu tính và linh hồn của trải nghiệm thường ngày. Đọc tập thơ, tôi phát hiện được những vấn đề triết lí và những giải đáp đặc biệt thật quyến rũ. Có một bài thơ khiến chúng ta kinh ngạc về một ngoại lệ của luật về trọng lực của Newton. Những bài thơ khác nói về những sự vật thường ngày để trầm tư về ý nghĩa và công dụng của sự vật và tự hỏi liệu sự vật có thực sự như nó vẫn hiện ra như thế. Tôi nhận ra rằng tôi đã tự đặt ra một vấn đề khác: phải chăng chúng ta nhìn xuyên suốt thế giới qua cặp kính với sự thấu hiểu mới mẻ rằng cái trông rộng hoàn toàn chẳng phải như nó vẫn hiện ra như thế? Thơ, trong tuyển tập, thiên về những ý nghĩa triết lí và sâu xa hơn được thấy trong cuộc sống thường ngày.

Những con người được sinh ra cùng với những thị hiếu, những điều thích và không thích vốn là đặc biệt của từng người. Những thị hiếu cá biệt này giữ một vai trò quan trọng trong sự thưởng ngoạn bất kì hình thái nghệ thuật nào. Thêm vào đó, để một thị hiếu được triển khai, buộc phải có sự phô diễn nhiều phong cách và nhiều chọn lựa khác nhau trong bất kì phương tiện truyền đạt nào. Phong cách Thơ Tân Hình Thức Việt đã đưa thơ Việt ra ánh sáng, tạo cơ hội cho người đọc tiếp cận một giọng thơ khác. Có được sự phô diễn nói trên, việc thẩm định và thưởng ngoạn giọng thơ Việt [khác đó] có thể bắt đầu được nảy nở. Khi bạn ngồi ở nơi yên tĩnh của riêng bạn và đọc những bài thơ trong tuyển tập, hãy tự cho phép mình vượt sang tới một thời gian và không gian khác. Lắng nghe những giai điệu của buổi chiều tà, cảm nhận cái cảm giác về những đợt sóng, thấy được sự bơ thờ của cây cối, và bay vượt lên trên mùi trứng ung rữa.

the pleasant, but rather the essence and soul of the everyday experience. In reading this, I found the philosophical questions and unique answers captivating. One poem surprises us with an exception to Newton's law of gravity. Other poems take every day objects to ponder the meaning and use of the object and whether or not it is simply what it appears to be. Another question I found myself asking; are we looking through the world with glass eyes with a new understanding that emptiness is not all it appears to be? The poetry herein leans toward the philosophical and deeper meanings to be found in every day life.

Human beings are born with unique tastes, likes, and dislikes. These personal tastes play an important role in the enjoyment of any art form. Additionally, in order for a taste to be developed, there must be exposure to multiple styles and options in any medium. The Vietnamese New Formalism style brings Vietnamese poetry to light, giving the opportunity for readers to be exposed to a different poetic voice. Once exposure occurs, appreciation and enjoyment for the Vietnamese poetic voice can begin to grow. As you sit in your quiet place and read the poems within this anthology, allow yourself cross over into another time and space. Hear the melodies of a sun-setting afternoon, feel the sensation of waves, see the indifference of the trees, and fly above the smell of rotten eggs.

Để thực sự thẩm định được phẩm chất và vẻ đẹp của những bài thơ trong tuyển tập, chúng ta phải nhìn vào bức tranh toàn cảnh. Bản thân thơ, trong bất kì ngôn ngữ nào, là phương pháp văn học truyền thống để chuyển giao những mô tả và những chuyện kể bằng lời từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nhịp điệu và âm thanh của một bài thơ cung cấp phương tiện truyền đạt và phương thức ghi nhớ thi ca. Những âm thanh trôi chảy trong một ngôn ngữ bản địa đều có nét đặc thù về mặt ngôn ngữ và không dễ dàng để dịch sang một ngôn ngữ khác. Một bài thơ được sắp đặt theo những giai điệu và âm điệu trong một ngôn ngữ bản địa, khi được dịch sang ngôn ngữ khác, sẽ mất đi sức quyến rũ của nó về mặt thẩm mỹ. Do vậy, nảy sinh một vấn đề hóc búa. Trong một xã hội mà mức độ cơ động không ngừng gia tăng, làm thế nào để thu hẹp khoảng cách giữa những rào cản về ngôn ngữ, văn hóa, và thế hệ, trong khi vẫn duy trì được di sản truyền thống? Với những người Việt xét như một cộng đồng người tị nạn, nảy sinh nhu cầu sáng tạo những hình thái thi ca mới nhằm cất cao tiếng nói của người Việt trong thế giới của văn chương. Chính điều này đã làm nảy sinh phong trào Thơ Tân Hình Thức Việt, xét như một dạng thơ không vần.

Từ đó tới nay, mười năm qua, Thơ Tân Hình Thức Việt đã khiến người ta phải tôn trọng nó, và tạo được một lớp độc giả mới, nhờ vào những nỗ lực của Khê Iêm và của những nhà thơ và những người dịch khác, đều là những người quê quán ở Việt Nam. Những nỗ lực để dịch những bài thơ từ dạng gốc của chúng sang tiếng Anh là không thể bỏ qua. Tiếng Việt là một ngôn ngữ hình thành bởi sáu thanh, với cao độ bổng trầm khác nhau. Người nghe sẽ nghe ra những nhạc tính của bài thơ hình thành bởi sự bổng trầm của cao độ, qua một thể loại được gọi là ca dao. John Balaban, người dịch Asian

To truly appreciate the quality and the beauty of the poems contained within this anthology, we must look at the whole picture. Poetry itself, in any language, is a traditional literary method to pass oral accounts and stories from one generation to another. The rhythm and sounds of a poem provide the means of delivery and way to remember the verse. Sounds that flow in the native tongue of one language are linguistically specific and are not easily translated into another language. A poem set to melodies and tunes in a native tongue lose its aesthetic appeal in translation. Thus a conundrum is created. In an increasingly mobile society, how does one bridge the gaps between linguistic, cultural, and generational barriers while preserving traditional heritage? With the Vietnamese being a refugee community, there came a need to create new forms of poetry that bring rise to the Vietnamese voice in the world of literature. This brought about the Vietnamese New Formalism movement, a form of blank verse poetry.

Now, ten years later, Vietnamese New Formalism is earning respect and new readership through the efforts of Khe Iem and other poets and translators that are Vietnamese natives. The efforts that have gone into the translation of the poems from their original form to English cannot be overlooked. Vietnamese is a language formed by six tones which rise and fall in pitch. The listener would hear the musical qualities of the poem created by rise and fall in pitch, a melodious tune that is termed *ca dao*. John Balaban, translator of Asian Po-

Poetry và là tác giả cuốn sách được giải thưởng “Locusts at the Edge of Summer”, khi mô tả những thách thức trùng điệp trong việc dịch Asian Poetry sang tiếng Anh, đã viết:

“... Một kho tư liệu những hình ảnh, những khuôn mẫu giàu giai điệu, những khát vọng, và những niềm tin, là trung tâm văn hóa của tất cả thi ca Việt. Ngay cả những nhà thơ am hiểu văn học – dù họ làm thơ Đường luật, thơ tự do hiện đại, hoặc thơ vần luật loại truyền khẩu, như nhà thơ cổ điển lớn Nguyễn Du – dường như bao giờ thơ của họ cũng ít nhiều liên quan tới ca dao.” From Translating Asian Poetry – A Symposium

Như thế, bằng cách nào những người dịch xử lý những giai điệu và những phẩm tính trữ tình của bài thơ Việt và biến đổi chúng trong một dạng khiến có thể được hiểu và được cho là thơ, đối với người đọc mà tiếng Việt không phải là bản ngữ?

Để khắc phục vấn đề hóc búa này, những người dịch đã phải bỏ nhiều công sức để giữ được giọng điệu riêng của từng bài thơ trong khi vẫn làm nảy sinh được những cách đầy sáng tạo để duy trì nét quyến rũ về mặt thẩm mỹ của thơ, dành cho những người đọc mới, thông qua những cách lặp lại, tạo hình ảnh, và vắt giòng. Những bài thơ trong tuyển tập gồm những câu thơ có số lượng âm tiết đặc trưng (thường là câu gồm 5 tới 8 từ, với 6 tới 8 âm tiết). Mỗi khổ thơ gồm bốn giòng. Thêm vào việc số lượng âm tiết được đưa vào khuôn khổ, việc vắt giòng được thực hiện nhất quán cho toàn bài đúng theo số lượng âm tiết được đếm. Điều này có nghĩa là một ý thơ bắt đầu từ giòng này có thể tiếp tục hoặc bất chợt

etry and author of the award winning book “Locusts at the Edge of Summer” in describing the challenges in challenges in translating Asian Poetry into English states:

“... A repository of images, melodic patterns, aspirations, and beliefs is the cultural center of all Vietnamese poetry. Even literary poets – whether they are working in lü-shih regulated verse (thoduòng luật in Vietnamese), modern free verse, or the metrics of the oral tradition, like the great classical poet Nguyễn Du – seem always to be working in some relation to ca dao.” *From Tranlating Asian Poetry – A Symposium*

So how do translators take the melodies and lyrical qualities of the Vietnamese poem and change them into a form that can be understood and deemed poetic to the non-native reader?

To overcome this conundrum, the translators of each poem have taken great pains to keep the voice in each poem intact while coming up with creative ways to keep the aesthetic appeal of poetry for new readers through repetition, imagery, and enjambments. The poems within contain specific numbers of syllables within the verse (often 5-8 words with 6-8 syllables). The stanzas are organized into four lines. In addition to a patterned number of syllables, enjambments are used at exact syllable counts that remain consistent throughout the poem. This means that a thought that begins on one

dừng lại ở giòng kế tiếp. Theo truyền thống, thì những chỗ vắt giòng, hoặc những điểm dừng, là để làm nổi bật những từ hoặc những ý đặc trưng. Còn khuôn khổ này, về điểm dừng bất thường, thường sẽ tăng cường tác động vào thị giác và vào cảm tính mà bài thơ tạo được. Mỗi cách sử dụng phương thức lặp lại, vắt giòng, và tạo hình ảnh đều cho phép chúng ta thực sự thấy được vẻ đẹp của những ý thơ mà mỗi tác giả đã nỗ lực để khắc họa. Vị trí của từng từ được bố trí để ta phải thấy rằng từng ý thơ đều được hàm ý trong việc định vị các từ, việc kết thúc câu, và trong việc tạo hình ảnh gây cảm giác mạnh. Bởi vì mỗi yếu tố đều khắc họa một hình ảnh theo mong ước của nhà thơ; mỗi từ khắc họa trọn một phần của bài thơ; và mỗi sự lặp lại và mỗi định vị đều cất cao giọng về những ý thơ của tác giả và dịch giả, và mỗi bài thơ có được cuộc sống riêng của nó.

Nào, hãy tìm một nơi thú vị, yên tĩnh để thoải mái và thư giãn và cùng tôi vào cuộc hành trình nhìn trộm vào trí tưởng của các người đồng đạo với chúng ta và của các dịch giả của họ, khi họ trút cạn hồn họ vào thi tuyển này và thám hiểm những triết lí mới trong đó, một thi tuyển gồm những bài thơ được chọn lọc đặc biệt vì vẻ đẹp của chúng, và tiêu biểu cho Phong Cách Thơ Tân Hình Thức Việt.

Translated into Vietnamese by Phạm Kiều Tùng

line may continue or suddenly stop on the next. Traditionally, enjambments, or stops, will occur to highlight specific words or thoughts. This unnatural stop pattern will often enhance the visual and emotional impact of the poem. Each use of repetition, enjambment, and imagery allow us to truly see the beauty of the thoughts each author is trying to portray. The placement of each word is such that one must consider each meaning implied by positioning, line endings, and strong sensory imagery. For each element paints a desired portrait; each word an integral part of the poem; and each repetition and position shouting out the thoughts of the author and the translator and each poem taking on life of its own.

Now, find a nice, quiet place to kick back and relax and join with me on this journey to peek into the minds of our brethren and their translators as they pour out their souls and explore new philosophies in this collection of poems specifically chosen for their beauty and representation of the Vietnamese New Formalism Style.

GHI CHÚ CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Nếu tính từ mùa Xuân năm 2000, với Tạp chí Thơ, giới thiệu thơ tân hình thức để chào đón tân thiên niên kỷ, thì tới nay đã là mười năm (2010). Mười năm đủ để nhận rõ và điều chỉnh lại một hướng đi. Trước hết, thuật ngữ “Tân Hình Thức” mượn từ phong trào thơ Tân Hình Thức Mỹ để gọi một thể thơ mới, được du nhập vào thơ Việt, thể thơ không vần. Như vậy thuật ngữ này chỉ là một cái cớ để chỉ một phong trào thơ Việt. Chúng ta biết rằng những người chủ trương thơ Tân Hình Thức Mỹ, vào những thập niên 1980 – 90 đã quay trở lại phục hồi thơ vần luật (meter and rhyme), trong lúc thơ Mỹ rơi vào bế tắc vì mất người đọc. “Tân” ở đây chỉ có ý nghĩa “trở về” (retro). Như vậy, thuật ngữ “Tân Hình Thức” không hề mang một ý nghĩa nào khác hơn là trở lại truyền thống của thơ Mỹ. Khi quay về vần luật, một thời gian sau người ta mới nhận ra, không cần thiết phải có một thuật ngữ nào khác, thơ hay là được rồi. Nhưng thơ Việt khác hẳn với thơ Mỹ. Thơ Việt cũng quay trở lại lấy những thể thơ truyền thống như lục bát, 5 chữ, 7 chữ, 8 chữ nhưng lại dùng vài yếu tố như vắt dòng và kỹ thuật lặp lại, chuyển tất cả những thể thơ truyền thống, từ có vần thành không vần. “Tân Hình Thức” bao gồm nhiều thể thơ mới, không vần.

PUBLISHER'S NOTES

If we begin our clock with the Spring of 2000, then it has been almost ten years since The Journal of Poetry (Tập chí Thơ) first introduced New Formalism poetry in time for the new millennium. Ten years is enough time to realize and correct our direction. First, the term “New Formalism” was borrowed from America’s New Formalism in order to give name to a new form of poetry transmitted to Vietnam as blank-verse poetry. Thus this term is simply a cause to start a new movement in Vietnamese poetry. We know that those who initiated New Formalism poetry in America during the 1980s and 1990s have gone back and revived poetry with meter and rhyme; meanwhile, poetry in America reached a dead end for lack of readership. “New” here means only “retro”. Thus, the term “New Formalism” does not have any meaning other than a return to traditional American poetry. When they return to metered and rhyming verse, people realize that these terms were no longer necessary; it was sufficient for poetry to be good. But Vietnamese poetry is entirely different from American poetry. Vietnamese poetry also returned to its past traditions of utilizing metered verses (rhyme schemes) in 5-word, 7-word and 8-word counts, but started employing new techniques, such as enjambment and repetition, thereby transforming traditional metered-rhyming verses into blank verses. “New Formalism”, “Tân hình thức”, includes many forms of un-rhymed (blank-verse) poetry.

Mục đích của thơ Tân Hình Thức là muốn đưa thơ Việt bước ra ngoài thế giới, nên mới chú tâm vào dịch thuật, để tìm kiếm người đọc khác ngôn ngữ và văn hoá. Một trong những bước đầu để sáng tác thơ tân hình thức là chấm dứt và thanh lọc ngôn ngữ và phong cách thơ tự do và vần điệu bên trong chúng ta. Chỉ khi nào xoá hẳn đi những dấu vết cũ, thì lúc đó mới có thể bắt đầu một hành trình mới. Nếu quá đậm đặc trong phạm trù văn hóa hay ngôn ngữ, người đọc ngoại quốc sẽ không hiểu, ngay cả với thế hệ người Việt trẻ bây giờ ở trong nước. Nhưng ai cũng biết là thơ không thể dịch vì không thể dịch âm thanh (sound) trong ngôn ngữ, đặc biệt đối với những thể thơ truyền thống khi kết hợp những đơn vị âm thanh đó để tạo nên nhạc tính trong thơ.

Vì thế thơ tân hình thức phải thay đổi cách sáng tác để đáp ứng điều kiện dịch thuật. Về chữ, khi chuyển sang ngôn ngữ đời thường để sáng tác, thơ không còn những chữ hiếm chữ lạ, và người đọc không bị vướng vào chữ khi đọc thơ. Về phong cách, thơ gần với văn xuôi và sử dụng kỹ thuật lặp lại để tạo nhịp điệu, nên khi chuyển dịch vẫn giữ được nhịp điệu và làm biến mất dấu vết của văn xuôi, thành thơ. Như vậy thể thơ không vần Việt đã giải quyết một cách khá gọn nhẹ để thơ có thể dịch được, cung ứng cho thơ Việt và người đọc một lối thoát, và cũng giúp đưa thơ ra khỏi ranh giới văn hóa và ngôn ngữ. Đây là một đặc điểm của thơ Tân Hình Thức Việt.

The purpose of New Formalism poetry is to propel Vietnamese poetry onto the international stage. That is why translation is emphasized to seek readers from different languages and cultures. One of the first steps in creating New Formalism poetry is to purge language and free-verse styles along with the rhymes persistent within ourselves. Only when we have erased the old markings can we begin on a new journey. If these old markings are too submerged in cultural or linguistic systems, then the foreign reader would not understand, including the young Vietnamese readers presently in Vietnam. But everyone knows that poetry cannot be truly or fully translated because the sounds of a language cannot be translated. This is especially true with traditional poetry, in which the sounds of the language give rise to the musical quality of poetry.

That is why New Formalism poetry must change the way it is written, in response to the demands of translation. With respect to words, if normal, everyday language is used to make poetry, then poetry becomes absent of rare and archaic words, and the reader does not get stuck with words when they read poetry. As for style, poetry moves closer to prose and utilizes repetition in order to create rhythm, so meter is conserved, and traces of prose are removed to form poetry. Thus Vietnamese blank verses have effectively resolved this issue, permitting translations and providing Vietnamese poetry with an avenue of escape, and also helping to launch it beyond the boundaries of culture and language. This is a special characteristic of Vietnamese New Formalism poetry.

Một trong những trở ngại là từ ngôn ngữ đơn âm chuyển sang ngôn ngữ đa âm, sự đếm chữ giữa các thể thơ không chính xác. Rất khó đếm theo đúng mười âm tiết trong thơ tiếng Anh, nên thỉnh thoảng có dòng thơ chín, hay mười một âm tiết. Chắc chắn, người đọc tiếng Anh cũng đã nhận ra, tương đối có thể chấp nhận được.

Khi có được những bài thơ hay và những người dịch tài năng, thơ Tân Hình Thức sẽ đạt hiệu quả như ý muốn. Những người đọc Mỹ sẽ được đọc những bài thơ khác lạ, am hiểu thêm về đất nước và con người từ một nền văn hóa khác. Những người đọc Việt, qua bản dịch tiếng Anh, sẽ nhận ra cái hay trong những bài thơ tiếng Việt, vì một lý do đơn giản, người đọc khi đọc những bài thơ song ngữ sẽ đọc chậm và chú tâm tới chính bài thơ nhiều hơn.

Một điểm mấu chốt trong thơ tân hình thức Việt, là tuân đời sống vào trong thơ. Thơ không còn là vấn đề của nội tâm, và những ray rứt và hồi tưởng quá khứ, mà là đời sống sinh động, hiển hiện ngay trước mắt. Thơ vẫn điệu hay tự do, vì những hạn chế trong cách sáng tác nên khó có thể làm được như vậy. Nhưng đa số những nhà thơ tham gia sang tác thơ Tân Hình Thức ở vào những giai đoạn đầu, đều là những người đã thành danh với thơ vần hoặc thơ tự do nhiều năm, nên không thể thoát ra khỏi phong cách sáng tác các loại thơ cũ. Thêm vào nữa, thơ Tân Hình Thức cũng chưa đến được với những người sáng tác trẻ, hoặc vì những hạn chế

One of the problems in translating from a monosyllabic language to a polysyllabic language is that the word count in the different poetic forms becomes inaccurate. It is difficult to count exactly 10-syllable in English poetry, so, occasionally, there is a verse that has nine or eleven syllables. Certainly, the English reader would recognize this and can accept it relatively easily.

When there are good poems and skilled translators, New Formalism poetry achieves the desired effect. American readers would be able to read new and interesting poetry, and gain a better understanding of people from different or far-away cultures. Vietnamese readers, while reading the English versions, would recognize the good qualities of Vietnamese poetry for one simple reason: When readers must read the same poem in two different languages, they must read more slowly and pay more carefully attention to the poem itself.

Another essential point in Vietnamese New Formalism poetry is that we must pour forth life into this poetry. Poetry is no longer a matter of inner-self and nostalgia but life as it is actively unfolding right in front of our eyes. Poetry, both metered and free versed, is limited in how it is written, and therefore is difficult to achieve. But most of the poets who participated in writing New Formalism poetry in the early days were already established poets famous for their rhyme schemes or free verses. Therefore, they were unable to evolve past their old style of writing. Furthermore, New Formalism poetry had not been discovered by young writers, or they had only limited information about it and could not understand the new concepts of this type of poetry. That is why we do not have many poets associated with this new movement,

về thông tin hoặc vì họ chưa nắm rõ quan điểm của dòng thơ này. Vì thế có thể giải thích tại sao chúng ta chưa có nhiều nhà thơ thật sự gắn bó với sự chuyển đổi, dù rằng đã có những sáng tác giá trị, tuy không nhiều, đúng với tiêu chuẩn của thơ Tân Hình Thức.

Trở lại với tuyển tập, để dễ dàng trong việc trình bày, chúng tôi không sắp xếp theo danh mục tác giả mà theo những dịch giả. Mỗi dịch giả dịch một số tác giả, và có những tác giả do 2 người dịch khác nhau.

Cuối cùng, thơ là một vấn đề khó, nhất là đối với thơ Tân Hình Thức Việt, từ ngôn ngữ đến phong cách hoàn toàn khác hẳn. Thơ cần có thời gian để lớn dậy. Và tuyển tập này là bước chuyển mình của một dòng thơ mới.

even while there are already some valuable works, though not many conform to the standards (definitions) of New Formalism poetry.

In this collection of poems, in order to have ease of presentation, we have not organized them by poets but by translators. Each translator has translated a number of poems, and some poets's works were translated by two different translators.

Lastly, poetry is a difficult subject, especially Vietnamese New Formalism poetry, because of language and the very different styles and forms. Poetry requires time to grow. This collection is the vanguard of transition to a new form of poetry.

Translated by Biễn Bắc
Biễn Bắc dịch

ÁNH NHÌN / KHOẢNG KHÔNG

Giọt nước rơi từ khoảng
không trên cao xuống mắt
(kính) em ... bỗng nhiên làm
nhòa đi hình ảnh anh
trong ánh nhìn của em
rồi sau đó sau khi
lau khô (kính) em
bỗng nhiên sáng hơn thêm
trong ánh nhìn ... khoảng không.

(cuối 1, không 7)

A GAZE / EMPTY SPACE

A drop of water falls
from empty space onto
your eye (glass) ... suddenly
my image blurs in
your gaze then having
dried your eye (glass) you
suddenly becomes clearer
in the gaze ... empty space.

(1, 07)

BUỔI SÁNG / VƯỜN HOA / HÁI HOA

Hoa vẫn nở trong
vườn sáng nay cho
dù xuân năm nay
về hơi muộn vì
mùa đông cứ giăng
co với mùa thu
nên trong vườn sáng
nay hơi lạnh khi
anh hái đóa hoa
xuân để tặng em
năm nay như mọi
năm ấy mà (!) ... khác!

(đầu 2, không 7)

THIS MORNING / (IN) THE SPRING
GARDEN / PLUCKING FLOWERS

Flowers still bloom in the spring
garden this morning though spring
is a little late as winter
wrangles with autumn a little
longer so it's rather chilly
in the garden this morning when
I pluck a spring flower for you
this year just like every
other year yet ... there's a difference!

(2, 0 7)

GIÔNG BÃO TRONG LY NƯỚC

Bên ngoài giông
bão tới bời
đang xô ngã
nghiêng hàng cây
trước quán bar
trong đó có
đôi tình nhân
đang đắm âm
ngồi khuấy động
tới bời cơn
giông bão trong
ly nước ... đây.

(giữa 2, không 7)

STORM IN A GLASS (OF WATER)

Outside the storm
rages on the trees
are swaying in
front of the cafe
where a couple sits
cosily stirring up
a storm in a full glass
of water.

(2, 0 7)

NƠI BÊN GA

Gã thanh niên vẫn đứng bên
kia đường ray xe lửa như
mọi ngày tôi đứng bên này
ga xe lửa chờ chuyến xe
tới đưa chúng tôi tới trạm
tới là mục đích của hành
trình của chúng tôi. Có điều
mục đích/trạm xe mà hấn
muốn tới nằm ở trạm xe
đằng sau lưng của tuyến hành
trình của tôi còn trạm xe/
mục đích tôi muốn tới lại
ở trạm xe đằng sau lưng
trên tuyến hành trình của hấn.

Tôi đứng bên này ga bên
kia đường ray sắt hấn đứng
chúng tôi nhìn nhau ... nghi hoặc.

(đầu 2, không 7)

AT THE STATION

The guy often stands on the other side
of the track as I stand on this side
waiting for the train taking us to
the next stop which is the destination
of our journey only that his
destination is the stop behind
the end of my itinerary
and mine is the stop behind the end
of his itinerary. I am standing

on this side of the platform on
the other side of the track where he is
standing we look at each other doubting ...

(2, 0 7)

CỌ XÁT

Sự cọ xát nào cũng làm
ra những tiếng kêu của vật
thể va chạm vào nhau; mà
nhiều khi, rất có thể, sẽ
có những miếng bề (từ cái
cọ xát rớt ra) cũng tạo
nên những tiếng kêu tiếp theo
nhau thành một giai điệu nhịp
nhàng trong không gian: để nói
lên cái có-mặt của sự
hiện có trong vũ trụ. Muôn
tiếng kêu kia là những: kóc
kóc; keng keng; bộp bộp, chéo
chéo; vân vân. Cũng như ha
ha; hu hu; a á; khờ
rờ; vân vân: vốn là giai
điệu được tạo nên từ những
va chạm của thân xác với
thân xác; tư tưởng với tư
tưởng. Cũng để nói lên cái
có-mặt của con người trong
cuộc sống, khi đời người cọ
xát với cuộc đời ... từ đó!

(đầu 8, 0 sáu)

RUBBING

Every rubbing creates some sounds
of objects colliding with each
other; also, sometimes, probably
there are a few broken pieces
(fallen out from the rubbing) which will
create some following sounds, forming
a rhythmical melody in space:
to say the present of the existing
in the universe. All those sounds are: tok
tok; clang clang; dong dong; clash clash; etcetera.
Likewise ha ha; hic hic; ah aah; grrr
grrr; etcetera: are actually
the melody, which is created from all
clashes of body against body; thoughts
upon thoughts. As to say the present
of human beings in living, when human
life constantly comes into contact with
life ... ever since!

(8, 06)

NHỮNG CON SỐ

Năm-ba-bảy-bảy hay
năm-bảy-ba-ba? Tôi
luôn lộn xộn những con
số phải nhớ: số mật
mã thẻ tín dụng; số
nhà băng cùng số tiền
thấp thỏm trong trương mục
(khi phải thanh toán những
món trả cho ăn, uống;
ngủ, nghỉ, ở, thở, lung
tung. Tóm lại là những
thứ trang trải cho khi ...
sống (!). Còn có cả món
bảo hiểm hậu sự để
trang trải cho khi ... chết (??))
Mười hai không sáu, hay
mười sáu không hai? Tôi
luôn lộn xộn những con
số không được quên: số
ngày tháng sinh nhật của
người thân quen; ngày tháng
kỷ niệm cùng giỗ kỵ
(khi phải chuẩn bị những
thứ cho đúng lúc; đúng
cách; đúng gu). Tóm lại

NUMBERS

Five- three-seven-seven or
five-seven-three-three? I always
get confused with numbers, which
I ought to remember: pin-
codes of credit cards; bank account
numbers with the uncertain
amount of money (when I
have to clear up payments for
eating, drinking, sleeping, resting,
housing, breathing, everything.
Briefly: needed things to be
spending when ... alive! And also
payment of burial insurance
covering the spending when ...
die?) Twelve o six, or sixteen
o two? I always get confused
with numbers, which I must not
forget: numbers of birthdates
of relatives and friends; dates
of anniversaries and memorials
(when I have to prepare things
in the right time, in the right
way; with the right style.) Briefly:

là những thứ phải đúng
cho việc giao thiệp, để
làm vui lòng những kẻ ...
sống (!). Ngoài ra còn việc
cúng bái cho đúng, để
an ủi những kẻ ... chết (??)
Tôi vẫn cứ luôn lộn
xộn với những con số
phải nhớ: số nhà; số
điện thoại; số xe; số
băng lái; số ...; số ...; số ...;
một đồng số. Những cái
mà không thể quên trong
thời buổi con số ảnh hưởng
rất lớn đến ... đời sống
con người (nếu không muốn
nói là con số định
đoạt số phận ... con người!)

(giữa 8, không 6)

suitable things of socialising
to satisfy the ... living!
Also, the worship ceremonies
have to be neat, to comfort
the ... dead?). I always keep getting
confused with numbers, which I
ought to remember: house number,
phone numbers, car numbers, ... numbers, ...
numbers, ... numbers, heap of numbers.
Those cannot be forgotten
nowadays where numbers have
a enormous effect on
human life (if not to say
numbers determine the destiny
of ... human beings).

(8, 06)

Translated by Đỗ Vinh
Đỗ Vinh dịch

THE LAST POEM

When love is a demon,
Our hearts are on fire,
Satan becomes God,
The Truth is a Liar.
There's no end to hurt,
Where there remains desire.
Take refuge in our Buddhas,
Find peace instead of ire.

THE LAST LAST POEM

Ask me things that I can never tell,
And you will know that all is well.
I'm not dead, I'm just not alive,
I've found heaven in the depths of hell.
I'm at home where I'm most alone,
I'm the hole where a sun once shone.
Seek us in the future and find our past,
We will last forever though time moves on.

VÔ SẮC

cô gái đứng bên
cột điện có ông
lão ngồi bệt phía
dưới cả hai đều

chìa về phía gió
một bàn tay không
rõ có màu sắc
gì trong chiều muộn

có dòng người vẫn
qua lại tập nập
ngược xuôi chẳng ai
buồn để tâm đến

một hay hai bàn
tay cao hay thấp
đang chìa ra phía
gió không rõ có

màu sắc gì trong
đêm tối đã thừa
bớt người qua lại
ngược xuôi có gì

COLORLESS

the girl standing
by the lamp post with
an old man sit down
flat on the ground

both stretch out, in the
direction of the wind,
a hand the color of
which is uncertain

in the afternoon
with a crowd of
people passing busily
about without anyone

paying any attention
to one or two hands
raised high or low,
the color is uncertain,

stretch out to the front
in the dark night when
the crowds going hither and
thither have thinned out

lạ đâu những kiêu
xin ăn hay làm
tiền không màu không
sắc trong thành phố

này!

when there is nothing
strange with this kind of
panhandling without any
color or form in this

city!

July 2007

VÔ THANH

cuộc sống ngọt ngạt như
đôi chân em sẽ xỏ
vào đôi giày mỗi sáng
để đến sở làm mười

sáu tiếng mỗi ngày chỉ
để nhận một đồng lương
đủ cho một cuộc sống
bình yên như bàn tay

em sẽ chỉ còn đủ
sức nắm hờ lấy tay
anh trong đêm tối mịt
mờ những hi vọng và

những cơ hội cho một
cuộc sống tươi sáng hơn
như ly nước suối không
kịp uống trong buổi sáng

em quên xỏ đôi giày
để đến ngôi năm lấy
tay anh.

SOUNDLESS

life stifled like your
feet stuffed into a pair
of shoes every morning
to go to the factory

to work six hours a day
only to get a dollar of pay
enough for a comfortable
life like your hand will

only have enough
strength to gently hold
my hand in the deep
dark night with hope and

opportunity for a brighter
life like a glass of spring
water passed over for lack of
time to drink in the morning

you forget about putting on
your shoes so you can come
sit and hold my hand.

VIẾT CHO NHỮNG NỖI BUỒN VIỄN CŨ

Tặng Tú Trinh

ly cà phê cũng bắt đầu học
cách thơm ngậy hơn giữa một mưa
Sài Gòn để kéo chân nỗi buồn
ngồi lý nơi quán vắng có cỏ
và có cả gió máy lạnh thổi
buốt thay mùa đông câu chuyện mỗi
ngày đi vòng quanh nỗi buồn viễn
cũ và bất tận khói thuốc bất
tận ngả đầu nơi góc riêng, có
cọng tóc nào triết lý về sự
bạc màu của gốc đầu nơi sinh
ra những nơ-ron bạc nhược để
thay em thay ta nhắn tin cho
nỗi buồn ngày hôm qua và hẹn
nỗi buồn ngày mai ở một quán
vắng khác có cỏ và có cả
gió máy lạnh thổi buốt thay mùa
đông. Câu chuyện cứ thế mỗi ngày
đi vòng quanh nỗi buồn viễn cũ
và bất tận như sự học của
ly cà phê về cách thơm
ngậy hơn giữa một mưa Sài Gòn.

WRITTEN FOR REMOTE PAST SADNESS

For Tú Trinh

a cup of coffee also begins to learn
how to be even more aromatic in between
a Sàigòn rain pushing in the feet of sadness
sitting idly in a vacant shop with grass
and with air conditioning blowing coldly
replaces the winter, and daily stories
circulated like remote past sadness that is as
endless as the cigarette smoke from tilted heads
leaning in a private corner, which is
hair thinking deeply about the white heads
whence weak neurons are born, to substitute
for you and for me to send a message to
the sadness of yesterday to appoint
the sadness of tomorrow at another vacant shop
with grass and with air conditioning blowing coldly
replaces the winter. The same stories
circulated like remote past sadness that are as
endless as a cup of coffee learning how to be
more aromatic in the middle of a Sàigòn rain.

LẶNG KHÚC

Có lẽ mẹ không bao giờ
nghĩ cái chết là thiêng liêng như mỗi
đêm tôi ngồi sâu trong bóng
tôi hút hết gói thuốc lá và miên

man nghĩ về sự sống và
cái chết sẽ bắt đầu rồi kết thúc
tại đâu khi tâm trí của
mẹ mỗi ngày chỉ quần quanh với bữa

ăn sáng ăn trưa ăn tối
và không bao giờ biết được mỗi đêm
tôi đã ở đâu trong bóng
tôi và miên man nghĩ về điều gì

khác hơn là sự sống và
cái chết sẽ bắt đầu rồi kết thúc
tại đâu khi không kiếm được
số tiền cho mẹ chữa căn bệnh thấp

khóp vì quần quanh với công
việc nhà quá nhiều và không còn có
thời gian để nghĩ về sự sống
và cái chết là thiêng liêng thêm nữa ...

SILENT SONG

Perhaps mother has never thought
that death is something holy like
each night that I sit in the shadows
smoking a whole pack of cigarettes

lost in thoughts about life and
death how and when it begins and ends
where in the mind of my mother
that revolves around daily meals

of breakfast lunch dinner
and never to know that each night
I linger somewhere in the shadows
lost in thoughts about something other

than life and death how and when
it begins and ends why out of nowhere
I am able to find for my mother
some money to cure her arthritis

onset because of the burdens of house
chores and not having any time
to think about life and death and
other even more holier things ...

BẠC THANG

Những bậc thang nối với nhiều tầng
lầu, những bậc thang dẫn tới nhiều
đường tàu, những bậc thang và những
bước chân; những bước chân trong tôi

có ngón giao chỉ, từ phố phường
đi ra biển đông; những bước chân
trong tôi rướm đời du mục, dù
rằng tôi chưa bao giờ sống đời

du mục; điều này ám chỉ rằng
tôi là mảnh vỡ tí ti của
quá khứ, bị cánh bướm đập, văng
ra thành kẻ lưu cư nơi miền

đất lạ; không khác nào những bậc
thang và những bước chân, tái hiện
rồi tái hiện, rơi trong hỗn mang;
bởi chẳng phải là những bậc thang

vẫn nối với nhiều tầng lầu, những
bậc thang vẫn dẫn tới nhiều đường
tàu, và những bước chân trong tôi
vẫn còn đang vang lên thanh âm

STAIRS

Stairs connecting many floors, stairs
leading to many ports, stairs and
footsteps; footsteps within me some
pigeon-toed, from the city to

the open sea; footsteps within
me bleeding a lifetime of no-
madic wandering, though I have
never lived the life of a nomad;

this is to allude to the fact that
i am a fragment of the past,
crushed by butterfly wings, cast away
to become exiled in strange lands;

no different from the stairs and
the footsteps, appearing and then
reappearing, fallen into
chaos; because it isn't the stairs

connecting many floors, stairs
leading to many ports, and footsteps
within me still echoing sounds
drawing me eerily closer

quyến rũ dị kỳ; thật ra, tôi
không muốn nói hơn một ly những
gì tôi nói – những bước chân và
những bậc thang đến đây là hết.

in fact; i do not wish to speak
an iota more of what I am
speaking, the footsteps and the stairs
are coming to a close here.

TRANG SÁCH

Chàng bước ra khỏi trang
sách nghe thì thâm lời
kể về những mối tình
từ Thăng Gù Nhà Thờ
Đức Bà tới Liêu Trai
tới “hiện thực huyền ảo”
(Trăm Năm Cô Đơn) hàng
ngàn hàng vạn mối tình
và hình như toàn là
những chuyện bịa đặt bịa
đặt như thật và chàng
sau khi bước ra khỏi
trang sách chàng cũng không
còn là chàng chàng là
chàng bịa đặt chàng không
phải chàng bây giờ không
phải chàng trước kia chàng
là chàng nhưng tại sao
người ta vẫn say mê
những điều bịa đặt và
không tin những điều có
thật như chàng vẫn tin
chàng là chàng và không
tin chàng không phải là
chàng có điều là không

PAGES (FROM A BOOK)

He steps out from the pages
of love stories from *The
Hunchback of Notre Dame* to
The Strange Tales of Liaozhai
to the “magical realism”
(*One Hundred Years of Solitude*)
thousands and tens of thousands
of love stories and all as fictitious
as reality and after he had
stepped out from the pages
he is no longer himself and
he is a fictitious character
he is no longer himself now
no longer the person he was
he is himself but why is it
that people are still crazy
about fiction unbelieving
of that which is real but he
still believes that he is himself
and not believing that he is not
himself although neither is real
and thus that which is fictitious
is considered to be real
after all he had stepped out
of the pages but the pages

có điều nào có thật
là thật nên những điều
bịa đặt được coi như
là thật dầu gì chẳng
nữa thì chàng đã bước
ra khỏi trang sách mà
trang sách lại không thể
bước ra khỏi chàng, như
vậy những câu chuyện kể
bây giờ đang ở trong
chàng hay ngoài chàng và
chàng kể câu chuyện hay
câu chuyện kể chàng cũng
có khi chàng đang kể
chàng và câu chuyện đang
kể câu chuyện hoặc câu
chuyện chỉ là câu chuyện
và chàng chỉ là chàng
vân vân và vân vân
cho đến khi cả câu
chuyện và chàng đều chỉ
là những điều bịa đặt
bịa đặt như thật.

had not stepped out of him
so that these stories are now
within him or without him
and he tells about stories or
the stories are telling about him
and then there are times when
he is telling about himself
and the stories are telling about
themselves or the stories are
just stories and he is just himself
fictitious as reality.

Note

1. The Hunchback of Notre Dame is a novel by French writer Victor Hugo (1802-1885).
2. Strange Tales of Liaozhai is the stories by Chinese writer Pu Songling (1640-1715).
3. Magical Realism is the technique that Gabriel Garcia Marquez (born in Aracataca, Colombia, in March 1928) uses in his novels and short stories.

CHIẾC GHẾ

Những chiếc ghế không cùng một màu,
những chiếc ghế không dùng để ngồi,
những chữ ghế, không phải là ghế;
những chiếc ghế có thể sờ được,

những chiếc ghế có thể gọi tên,
những chiếc ghế đúng ghế, không phải
là ghế; những chiếc ghế không bao
giờ vẽ được, những chiếc ghế không

bao giờ nói được, những chiếc ghế
không bao giờ có được, bởi những
chiếc ghế không bao giờ biến dạng,
những chiếc ghế không bao giờ mất

đi, những chiếc ghế không hiện diện;
những chiếc ghế, ôi chao, chỉ là
nó đó; những chiếc ghế, ôi chao,
không cùng một màu, những chiếc ghế,

ôi chao, không dùng để ngồi; những
chiếc ghế không ở đâu xa, những
chiếc ghế ở ngoài mọi điều; những
chiếc ghế chỉ là chiếc ghế.

CHAIRS

Chairs not of the same colors,
chairs not used for sitting,
the words for chairs, not chairs;
chairs that can be touched,

chairs that can be called names,
chairs that are indeed chairs, that
are not chairs; chairs that can never
be drawn, chairs that can never

speak, chairs that can never be
had, because they are chairs
that never change their form,
chairs that can never be misplaced

or lost, chairs that are not present;
chairs, alas, that is what they
are indeed chairs, alas, not of the
same colors, chairs, alas

not used for sitting; chairs that
are not far away, chairs beyond
all things; chairs that are
just what they are chairs.

CÂU NÓI

“Tôi bước ra cửa lúc năm giờ” nhưng
bước ra cửa là ra cửa nào và
lúc năm giờ là lúc nào cùng hàng
loạt những câu hỏi không bao giờ có

câu trả lời cho rột ráo bởi câu
nói “Tôi bước ra cửa lúc năm giờ”
là câu nói rơi ra từ một câu
chuyện kể nào đó đã tan biến trong

mớ âm thanh hỗn độn ngoài đường phố
giữa cuộc đời thường và không ai lần
ra được dấu vết mặc dù ai cũng
có thể nhét nó vào bất cứ câu

chuyện nào khác và dĩ nhiên bất cứ
câu chuyện nào khác không hẳn là câu
chuyện đúng thực của câu nói “Tôi bước
ra cửa lúc năm giờ” vậy thì câu

chuyện đằng sau cái câu nói tầm thường
như bao nhiêu câu nói tầm thường khác
ấy mãi mãi là điều bí mật dù
rằng câu nói vẫn truyền từ người này

A SAYING

“I stepped out my door at five”
but which of the doors and what of
the hour, five, and a bunch of other
questions that should never be answered

to an end, because “I stepped out
my door at five” is a saying that
came from a story that has since
disappeared like so much noise in

the city, like so many daily lives,
even though anybody can stuff it
into any other story and any
other story is not necessary

the same story from whence the saying
“I stepped out my door at five”; so
what is the story behind that
ordinary saying that’s like

every other saying that’s secret
even though a saying is still handed down
from person to person and yet unknown
crowd, to spread the untrue story of

qua người khác trong đám đông vô danh
mang theo câu chuyện không bao giờ đúng
thực của câu nói “Tôi bước ra cửa
lúc năm giờ”. Thôi, tôi đi nhé! Chào.

the saying “I stepped out my door
at five”. I go! Bye.

KHỔ ĐAU

Viết cho những người em

Bởi sinh ra vào nơi khổ đau
và đã qua hết đường đau khổ
nên mới đủ nhận biết rằng nỗi
khổ đau cứ lớn dần lớn dần

cho đến khi không thể tù túng
mãi trong thân xác và thân xác
cũng quá còm cõi không thể chịu
đựng nỗi khổ đau nên chẳng bắt

đầu cuộc phân ly nước mắt nước
mắt phân ly khổ đau giã từ
thân xác thân xác giã từ khổ
đau và chúng ta cũng phải giã

từ nhau dù rằng đã sống với
nhau trong tình anh em rất lâu
khởi từ một duyên cớ tình cờ
nào ... Thân xác trở về đất mẹ

vĩ đại còn khổ đau tan biến
vào bầu trời để rồi chẳng còn
khổ đau chẳng còn thân xác trong
bước độc hành về đi chốn khác.

SUFFERING

For my young brothers

Because you were born into suffering
and have traveled all the paths of
suffering and thus are capable of
understanding that suffering grows

and grows until it can no longer
be forever imprisoned in bodies and
bodies are too wasted to bear the suffering
and thus perhaps that is why the tears start

falling the tears are the suffering
departing from the body the body
departing from the suffering and we
depart from each other although we have

lived with each other in brotherhood for
a long time beginning with some fortunate
chance ... the body returns to the great
motherland while suffering disappears

into the skies and then suffering is
no more bodies are no more in the lonely
journey elsewhere. Alas, let's rest,
o my beloved brother of old, rest you

Thôi, hãy yên nghỉ, hỡi người anh
em thân thiết năm nào, hãy yên
nghỉ, lắng nghe đất với trời đang
tàn theo khúc nhạc chiều tàn.

now, listen to the earth and the skies
disappearing with the melodies of
a sunseting afternoon.

March – 2000

VÀ CUNG TIỀN
VÀ PHẠM VŨ NGUYÊN

nhạc của hồn ta phải không, hay
của những đêm xa gia đình, nhớ

điên cuồng mỗi một bóng cây là
tiếng thì thầm, bạn hữu, nhạc của

hồn ta, hay nơi đây của đêm
sao đầy mắt đầy linh hồn, ôi

đêm tỉnh dậy nghe trong khuya yên
lặng nên giọng lời nghe từng tiếng,

em nào có biết đâu mỗi giọng
nhạc của anh hay của bạn anh

đều nói những ngày mai chưa đến,
em nào tin sự êm đêm và

đau khổ ngày qua như chẳng tin
đời ta có hai kẻ đọa đầy

bằng lên tiếng thay cho người khác

Lý Dị

WITH CUNG TIỀN
AND PHẠM VŨ NGUYỄN

music of my soul is it, or of nights
far away from family, crazed with

memories each shadow of trees is
the whispers, of friends, music of my soul,

or night of stars filled – spirit filled – eyes, oh

awakened in the middle of the silent
night so the voices sound in word or is it

the sound of my music or my friends’

speaking to the days yet to come, would you
believe in the calm and the suffering

of past days but do you believe that my
life is two tormented people because

I have raised my voice for others.

THƠ VŨ NGUYỄN
CHO HELENA OKAVITCH PHẠM

he-le-na chưa nghe anh nói
quê hương những sáng mùa đông

mưa dầm gió thổi, nghe trong da
đau xót từng cơn, người làm sao

đã uống trọn đời buồn, anh chưa
nói khoảng đồng cỏ cháy, đường khô

cằn, tháng hạ trắng khuya, nghe tiếng
vỗng của thời anh dĩ vãng, khoảng

đất làm sao từ những mảnh ve
chai cũ, những rác rưởi ống bơ

bãi cỏ, làm thế nào thành phố
mọc lên, làm thế nào khoang đất

ấy buộc chân và hồn anh mỗi
lần anh ruồng bỏ em, làm sao

mà hiểu một sáng kia anh tỉnh
dậy tình cò nghe bên tai một

A VŨ NGUYỄN POEM
FOR HELENA OKAVITCH PHẠM

he-le-na has yet to hear me speak of
a homeland on winter dawns rain-soaked

and wind-blown, listen to the inner
suffering, how can one drink up a life

full of sadness, I have not yet spoken
of burned-out fields, and arid roads, late

summer moon, listen to the hammock of
times past, the grounds are made of broken

bottles, of refuse and other wastes strewn
on the grassy grounds, how can a city

spring up, how can these grounds bind your feet
and my soul each time I abandon you,

how to understand that one morning I
intend to wake up to the sounds of footsteps,

tiếng chân đi, tiếng xe điện lên
đường ngoài lộ, em không biết tại

sao anh đau khổ như thịt da
to nhỏ tiếng đồng bào và làm

sao trong những giấc chiêm bao anh
chỉ thấy những nhà hoang, lối tối,

những mặt buồn rĩ rượi già nua,
trong mê sảng còn nghe tiếng nói

những giọng này chậm chậm vào tim
he-le-na gọi pra-gơ

không khóc bởi vì sao nào biết
bởi vì sao thành phố ngủ, đêm

dài hấp hối, ngực nhọc nhằn từ
bỏ mà đi, chừng em cho hẵn

sự tình cờ, lòng cảm động, ngực
tim hồi hộp, ôi quê hương từ

nghĩa địa tha ma sao réo gọi
hồn tôi, không hết người còn sống

đây hay đã khuất, tôi nhìn mặt
này đã gặp hay chưa, nghe tiếng

nói bỗng tay vồn vã mắt vui
mừng môi đợi ngạc nhiên he-le-

the sounds of tram cars on the streets, and you
will not know why it is that I am in

pain like my flesh is, like the voices of
our countrymen and how in my dreams I

see only empty and deserted houses,
dark paths, sad faces aged and tired in their

coma still voicing these things which seep
slowly into my heart ^ he-le-na called pra-go

do not cry because you cannot know why
it is the city sleeps, long nights lying

in wait for death, heaving chest yet unable
to depart, until you bring forth suddenness,

compassion, hearts beating again with
excitement, oh homeland from the cemeteries

and grave lands calling to my soul, not knowing
if people still live or have passed away,

I look upon faces to see if we have
met before, to listen to voices and

gesturing and winking in joy again
and lips waiting to be surprised he-le-na

na em có biết không, giọng ca
đó anh viết khi ra trước anh

vừa nghe ai hát bên kia, hồn rung
động anh nào nói được.

do you know your voice I have recognized
when I first appear and hear someone

singing on the other side, my soul is
shaken to voicelessness.

23 HR 30 MIN

Mười một giờ ba mươi phút đêm,
trên chuyến taxi cuối cùng của
mình về thành phố, tại một khúc
quặt đầy sỏi đá gần công trường

xây dựng, *th* thoáng trông thấy và
giơ tay chào *p* và *l*, song
p không nhìn thấy, khi ấy *p*
đang vừa mãi nhìn một con mèo

màu xám với hai mắt lúc lúc
lại sáng xanh lên như hai hòn
bi ve chắc là vì phản chiếu
đèn đường hoặc đèn xe ô tô,

vừa bước xuống tàu điện ngầm, vừa
thèm thuốc môn mê bao thuốc lá
trong túi áo khoác, từ bao giờ
chẳng biết, người ta đã cấm, không

cho phép hút thuốc lá ở các
bến tàu, bến xe, nên khi nào
không có *l* thì *p* chỉ thích
đi taxi, thích chọn cái xe

23 HR 30 MIN

Eleven thirty at night, in the last
taxi returning to the city, at
a turn full of pebbles and stones near a
construction site, *th* glanced at *p* and

raised a hand to wave at *p* and *l*, but
p did not see, at the time *p* was staring
at a cat grey with two eyes glaring at
times green like two marbles probably

reflecting the street lights or that of autos,
was stepping out of the station, craving
a cigarette from a pack in the pocket
of an overcoat, from time unknown,

Smoking had become prohibited
at train stations, and ports, so when there is
no *l* then *p* likes to take only the
taxi, likes to chose one where the driver

nào mà người lái cũng hút thuốc,
hai người vừa rong ruổi vừa nhả
khói thì thật là thích, và đêm
qua, lúc mười một giờ ba mươi

phút thì p xuống tàu điện ngầm
với l và không được hút thuốc,
 p chỉ mong mau mau về đến
nhà để còn nhìn mấy bông hoa

loa kèn của a xem thế nào,
 p rất nhớ a , tất nhiên.

also smokes, the two of us relaxing
and blowing smoke to our liking, and last
night, at eleven and thirty minutes
when *p* entered the subway with *l* and

could not smoke, *p* only wished to get home
quickly in order to see the bell flowers
belonging to *a* to see how they are,
p remembers *a*, of course.

ĐOÀN NGƯỜI

1.

Một số người đi quá nhanh
Quá nhanh so với thời đại của mình
Nên phải ngồi chờ đồng loại
Trong một căn phòng không mấy tiện nghi
Vài người trong số đó vừa
Đi vừa cúi đầu lo sợ không biết
Bao giờ thì người cùng thời
Với mình đưa mình lên giá treo cổ

2.

Một số người vừa đi một
Quãng thì dừng lại đào bới họ đào
Bới để tìm ngọn nguồn của
Sự thật mà sự thật là cái gì
Tôi cũng chưa biết, nhưng này!
Bạn đừng có sốc khi tôi bảo rằng
Lịch sử chỉ là một bộ
Sưu tập những sự kiện không đáng có
Đừng có mà đào bới nữa
Vì hành động đó có thể là tự
Đào hố chôn sống chính mình

A CROWD

1.

Some people walk too fast
Too fast in comparison to their times
So they must sit down and wait for others
Of their kind in a room lacking
In facilities. Some of those people
Lower their heads as they walk because
They do not know when the other
People of their same period
Will send them to the gallows to hang

2.

Some people who have gone
A distance and then came to a stop to
Dig they dig in order to find
The origin of the truth but what is
The truth. I still do not know yet,
but here! Don't be shocked when I say
History is just a collection of
Facts that is not worthy of existing
Do not dig any further
Because such action may serve the purpose
Of burying yourself alive

3.

Một số không ít đang bước
Tụt rất xa rất xa phía sau chính
Họ chứ không ai khác là
Nguyên nhân khiến cho đoàn người cứ dài
Lê thê lêch thếch lôi thôi ... được cái
Họ là những người kiên định
Rất kiên định nhưng bạn biết gì không ?!
Nhiều khi mà thường thì sự
Kiên định lại trở thành quỉ dữ trong
Cái đầu hạn hẹp (của chúng) !

3.

A large number of people are
Falling very far behind themselves. No
One else who is a cause that
Keeps growing the crowd until they form
A long disorderly line ... however
It's a good thing that they are determined
Very determined but you know
what ?! Often times and usually determination
Turns into nefarious demons
In their (own) narrow minds !

DO IT AGAIN!

Con người đi tìm nhiều thứ, rồi
cũng thấy trong số những thứ ấy
có cái con người gọi là Không-
phải-của-mình có cái con người
gọi là Của-mình trong số những
thứ ấy có cái con người gọi
là Không-phải-mình có cái con
người gọi là Mình trong số những
cái Không-phải-của-mình có thể

có cái Của-mình trong số những
cái Của-mình có thể có cái
Không-phải-của-mình trong số những
cái Không-phải-mình có thể có
cái là Mình trong số những cái
là Mình có thể có cái Không-
phải-mình. Tìm đi! Tìm lại trong
số những cái mình đã tìm thấy ...
Nhìn đi! Nhìn lại để thấy lại
những cái mình đã từng nhìn thấy ...

DO IT AGAIN!

Humans seek many things, and then they find
in a number of things things that humans
call Not Belonging-to-Us things that humans
call Belong-to-Us among those things that
humans call Not Belong-to-Us there are
things that humans call Us among those
things Not-Belong-to-Us perhaps

there are things Belonging-to-Us among
those things Belonging-to-Us perhaps
there are things Not-Belonging-to-Us
among those things Not-Belonging-to-Us
perhaps there are things that are Us among
the things that are Us perhaps there are things
that are Not-Us. Seek it! Seek it again in
the number of things that we have found ...
Look at it! Look at it again to look again at
the things that we have once looked upon ...

– NGƯỜI ĐÀN ÔNG Ở TRẠM XE BUÝT –

Có một người đàn ông ngồi
ở trạm xe buýt có vẻ như đã
ngồi từ lâu lắm mà cũng
có vẻ như không bởi vì trong vẻ
mặt của ông như chờ đợi
mà hình như cũng chẳng chờ đợi một
cái gì dù mỗi lần xe
buýt dừng lại ông đều ngẩng mặt lên
nhìn mỗi lần xe buýt dừng
lại thì một vài người khách xuống xe

và một vài người khách khác
thì chen nhau lên xe còn ông thì
chỉ ngẩng mặt lên nhìn rồi
khi xe chạy ông lại trở về cái
tư thế cũ là tư thế
nhìn có vẻ như đã ngồi từ lâu
lắm mà cũng có vẻ như
không bởi vì trong vẻ mặt của ông
như chờ đợi mà hình như
cũng chẳng chờ đợi một cái gì, những

– THE MAN AT THE BUS STOP –

There is a man sitting at a
bus stop seeming as if he had sat there
for long time yet also as if
not so because his facial expression
is as if he is waiting but
perhaps he is not waiting for anything
at all even though each time
the bus stops he lifts his face to look each
time the bus stops there are a few

passengers exiting and a few
other passengers crowding each other
to get on board while he sits there
just lifting his face to look and then when
the bus departs he returns to
his former posture that is the posture
of looking as if he had sat
there for long time yet also as if not
so because his facial expression
is as if he is waiting but perhaps
he is not waiting for anything

người ngồi chờ nơi trạm xe
buýt này cũng chẳng bận tâm về sự
có mặt của ông bởi họ
nếu không chờ chuyến xe buýt này thì
cũng đang chờ chuyến xe buýt
khác nên nếu không chú ý thì có
thể sẽ lỡ chuyến và phải
ngồi chờ chuyến tiếp theo cách khoảng mười
hoặc mười lăm phút sau nên
họ chẳng cần thiết phải bận tâm đến

sự có mặt của ông lão
với vẻ mặt như chờ đợi mà hình
như cũng chẳng chờ đợi một
cái gì kia để tôi nói cho bạn
nghe nếu bạn là người đang
đứng cạnh lão hoặc có đi ngang con
đường này thấy lão ngồi nơi
này thì cũng đừng bận tâm chi cho
mệt vì lão chỉ ngồi đó
thôi không để làm gì cả nhà lão
sát ngay bên trạm ấy mà.

the other people waiting at
this bus stop don't pay any attention
to his presence because if they
are not waiting for this bus then they are
waiting for another bus
therefore if they are inattentive
they might miss a bus and then will
have to sit and wait for the next bus that
comes between ten and fifteen minutes
apart and therefore they have no need to

pay any attention to the old
man's presence his facial expression as
if to wait and also as if
not to wait for anything at all so
let me tell you if you are standing
by the old man or perchance to come by
this way and see an old man sitting
here then do not pay him any attention
that will only make you tired
because the old man is only sitting
there not to do anything at all
his home is nearby the bus stop.

CÀ PHÊ SÁNG

Hãy uống cạn ly cà phê sáng nay
của anh đi! Trong ly cà phê của
tôi có giọt nước mắt. Trong ly của
anh có giọt máu hồng và cho tôi

nói nhỏ điều này. Hãy cho tôi đi
bằng đôi chân của anh vì chân tôi
không còn nữa. Cho tôi sờ cuộc đời
bằng đôi tay của anh vì tay tôi

không còn nữa. Cho tôi nhìn cuộc đời
bằng đôi mắt của anh vì mắt tôi
không còn nữa. Cho tôi nói tiếng người
bằng thanh quản anh vì cổ họng tôi

không còn nữa ... Hãy uống nốt những giọt
cà phê còn lại của anh, những giọt
cà phê vui sướng, những giọt cà phê
muộn phiền, những giọt cà phê trung tính,

tôi nói nhỏ điều này: Hãy cho tôi ...

MORNING COFFEE

Drink up your morning coffee right
away! In my cup of coffee
there is a drop of tears. In your
cup of coffee there is a drop

of blood and let me whisper to you.
Let me walk with your legs because
I no longer have my legs. Let me
touch life with your hands because my hands

are no more. Let me look at life
with your eyes because my eyes are
no more. Let me speak with your vocal
chords because my throat is no more ...

Drink up your last drops of coffee,
such happy drops of coffee, such
hurtful drops of coffee, such neutral
drops of coffee, let me whisper

to you: Let me ...

BẤT CHỢT

Bất chợt tôi bắt gặp đôi mắt em
trên gương mặt của người con gái khác.
Giọt nước mắt lăn dài ngồn ngang miên

kí ức. (Ngày xưa khi lặng đứng nhìn
em xa khuất, tôi linh cảm không may
cho cuộc tình) ... Không ngờ, đôi mắt tôi

mong mỗi tìm tháng năm dài biên biệt
lại hiện lên trên gương mặt của người
con gái khác. Tôi mông lung theo giọt

nước mắt buồn. Bất chợt tôi bắt gặp
tôi quá khứ đang còn cào trong tôi
bây giờ. Đâu hiện thực đâu nỗi nhớ ?!

Bất chợt tôi bắt gặp hình bóng mình
trong ánh mắt như của em ngày đó.
Bất chợt lặng thinh ...

SUDDENLY

Suddenly I found your eyes on the face
of another woman. A long drop of
tears rolling down memory lane. (Once upon

a time I stood silently watching you
go until you were far away, I felt
unlucky in love) ... Unexpectedly,

those eyes which I had longed for in the long
months and years of separation suddenly
appeared on the face of another woman.

I dreamily watched the sad tear. Suddenly
I found my past self tormented within
me now. What is real and what is memory?!

Suddenly I found my own shadow in
the gleam of eyes like yours back then.
Suddenly gone silent ...

MƯA THÁNG 5

bây giờ mưa đang rơi
một người chìm dần trong
mưa hay trong lãng quên
trong sự lạnh ướt hay
trong khoảnh khắc chớp lóe
để kịp thấy con người
đang treo đó lủng lẳng
và thế giới đứng đưng
(và hàng cây đứng đưng)
khi một người già từ.

MAY RAIN

now it is raining a
person sinking in rain
or in forgetfulness
in the cold and wet or
in a shimmering moment
just in time to see a
person hang there and
the world is indifferent
(and a row of trees is
indifferent) when
a person departs.

QUÃNG LẶNG

không còn tiếng nhạc nào ở nơi này
khi tâm trí thiếu một đôi tai để
nghe thấy tiếng nước chảy trong rễ cây,
máu chảy trong động mạch của thân thể

sắp đông cứng như thành phố trể nải
chưa gióng lên hồi chuông tỉnh thức những
con người đang cần cỗi chết mệt trong
giấc ngủ khô cằn trong những ô hẹp.

SILENT INTERVAL

there is no music left in this place when
the mind is absent of a pair of ears
to hear the sound of water running in
the tree roots blood running in arteries

of the body about to coagulate
like a city running late the bells of
awareness not yet rung ossified people
dying of tiredness in their desolate
sleep in crowded compartments.

CÔ BÉ TÊN MÙA

Suốt năm mùa chuyển động
bằng cách múa nhịp nhàng
chung quanh khu vườn từ
vườn trước ra đến vườn

sau để gọi lũ ong
bướm quay về múa múa
múa từ vườn trong múa
ra vườn ngoài để chia

tay cùng mưa với gió
từ vườn trắng múa sang
vườn mây để gọi trở
về đây lũ con trai

đã nỡ bỏ mùa đi
chẳng thềm xem mùa múa
mùa mãi mãi chỉ là
cô bé có hai chân

hai tay một trái tim
xinh và chẳng có chồng.

THE LITTLE GIRL NAMED SEASON

All year round season moves by ways
of soft dance around the garden
from the front garden to the back
garden to call for the return

of butterflies and bees that dance,
dance, dance from the inner garden
to the outer garden to part
ways with rain and wind from the moon

garden to the cloud garden to
call for the return of those fellows
who ignorantly left season
with no care for season's dance.

Season is just a little girl with
two hands two feet one pretty heart
and no husband, forever.

MÂY BAY

Chiếc ghế đặt gần khung
cửa sổ trong một căn
phòng là một phần kỉ
niệm thuộc về của riêng

tôi cho dù đó vẫn
có thể là một phần
kỉ niệm của một hoặc
nhiều hơn một người nào

đó đã từng bước vào
căn phòng có chiếc ghế
đặt gần khung cửa sổ
thế nhưng làm sao cũng

chẳng làm sao đâu có
thế nào cũng chẳng làm
chi bởi vì rốt cục
rồi bất cứ ai trong

đó có tôi cũng đành
phải bước ra khỏi căn
nhà thậm chí bước ra
khỏi con đường có căn

DRIFTING CLOUDS

The chair placed near the window
Pane in a room is a
part of my private
memory even though

it could be a part of
someone else's memory
or more than one person's
who had once stepped into

a room with a chair placed near
a window pane like that but
nothing is anything although
no matter what I will not do

anything because in the end
anyone in there including
me will have to step out from
that house indeed step out from

nhà có căn phòng có
chiếc ghế đặt gần khung
cửa sổ và nếu có
may mắn lắm thì chỉ

còn lại thoáng mây bay.

the street wherein the house has
a room with a chair placed near
the window pane and if by
luck then only a drifting cloud
remains.

MỘT NGÀY ĐẠI KHÁI

Tôi kéo dài sự im lặng của
buổi sáng bằng cách uống thật chậm
ly cà phê và cố gắng không
cử động mạnh thế nhưng sự im

lặng của buổi sáng là cái gì
và kéo dài ra để làm gì
thì tôi chưa kịp biết trong khi
tôi vẫn cố gắng kéo dài ra

bằng cách chuyển từ cà phê qua
nước trà và cứ thế tiếp tục
cho đến khi không thể kéo dài
thêm được nữa thì tôi đành phải

đứng dậy tìm cách bước thật nhanh
vào một ngày đang sửa soạn chìm
ngập trong sự oi bức của đủ
mọi thứ tiếng động thế nhưng sự

oi bức của đủ mọi thứ tiếng
động là cái gì và bước thật
nhanh vào để làm gì thì tôi
chẳng còn thì giờ để quan tâm

A DAY, PRETTY MUCH

I draw out the silence of the morning
by drinking really slowly a cup
of coffee and trying hard not to make
any sudden moves and yet what is

the silence of the morning and so why
draw it longer that I don't have time to
know yet when I am still trying to draw
it out by switching from coffee to

tea and continuing like that until I
can not draw it out any longer and
so I have to stand up to find a way
to step out into a day preparing

itself to be submerged in the mugginess
of all sorts of noises and what do I
do to step out into it I really
don't have time to be concerned with when

trong khi tôi vẫn cố gắng bước
thật nhanh thật nhanh để rồi cuối
cùng rơi tõm vào trong một giấc
ngủ đầy mộng mị và đến lúc

này thì dấu cho một giấc ngủ
đầy mộng mị là cái gì và
rơi tõm vào để làm gì đi
chẳng nữa thì rốt cục rồi sự

im lặng của buổi sáng lại quay
về và tôi xin hứa là tôi
sẽ kéo dài nó ra bằng cách
uống thật chậm ly cà phê và

cố gắng không cử động mạnh.

I am still trying to step out and step
out so that in the end I would fall
into a deep sleep full of dreams and then
the time comes when even though a deep

sleep full of dreams is whatever and so
why would fall into it then finally
the silence of the morning comes back to
me and I promise that I will draw it

out by drinking really slowly my cup
of coffee and trying hard not to make
any sudden moves.

BÊN LỀ

Câu chuyện được kể lại qua hình ảnh
và lời nói của người nữ phóng viên
trên màn ảnh truyền hình thì cũng giống
y như câu chuyện của ông tuy rằng

câu chuyện của ông chỉ được kể lại
qua ngôn ngữ không lời của cô gái
câm sống trong ngôi nhà hoang thế nhưng
cả hai câu chuyện ấy đâu có khác

gì câu chuyện của chính tôi dù chỉ
được kể lại qua hương thơm của những
bông hoa đêm khi mà hương thơm của
những bông hoa đêm vẫn quyến vào khuôn

mặt thơ ngây của cô gái câm chập
chờn theo hình ảnh và lời nói của
người nữ phóng viên trên màn ảnh truyền
hình thì cả ba câu chuyện vẫn được

tiếp tục kể đi rồi kể lại trong
khi chờ đợi một câu chuyện thứ tư,
và vẫn không được gì khác hơn là
được kể. Kể đi rồi kể lại.

ON THE SIDELINES

The story being retold by photographs
and words of the female reporter on
the television screen is exactly
like your story, although your story is

only retold via a language without
words by a deaf-mute girl living in
an abandoned house. Yet both of those
stories are not different than my own

story, although it is only retold
by the fragrant scents of flowers in
the night. When the fragrances of these
night flowers are still blended into

the innocent face of the deaf-mute girl,
fading in and out with photographs
and words of the female reporter on
the television screen, then all the three

stories continue to be retold, while
waiting for a fourth story. And nothing
else will be gained other than to be retold.
Again and again.

NHÌN QUANH

Thương nhớ Thái Ngọc San

Có những ngày nổi điên.
Lại có những ngày điên
nổi. Rồi có những ngày
điên không nổi: “Mả cha
cuộc đời quá vô hậu/
Nhìn quanh nhìn quất không
biết thù ai” * Dù Mạ!
Nguyễn Đình quá dễ thương!

LOOKING ABOUT

In memory of Thái Ngọc San

There are days when went mad.
And then there are days when
madness came. And then there
are days when madness did
not come: “Damn life so
issueless/ Looking all
around but not knowing
Who to hate” * Fuck! Nguyễn Đình
is so sweet!

April – 07

(* A poem by Nguyễn Đình Trần Vàng Sao)

ĐÊM BIỂN CHẾT

Những nụ hôn neo vào lòng đêm
trên biển chết. Mỉm cười với ngọn
gió chiều nhạt nhẽo. Những đợt sóng
vô hình những nụ hôn neo vào
biển chết. Đêm còn lại gì ngoài
nỗi nhớ tàn rơi?!

TPKÿ

THE NIGHT THE OCEAN DIED

Kisses anchored in night's bosom
on the dead ocean. To crack
a meek smile with the tasteless
afternoon wind. Waves are
invisible kisses anchored in
the dead ocean. What remains of
night other than a faded
reminiscence?!

March – 07

LỜI ĐÊM

Lời vào đêm. Những giọt sương cuối
của mùa băng giá. Con đường đã
cùng. Không nhất thiết quay lui. Chẳng

thấy ánh sáng lạ. Chỉ ngày tàn
trên đỉnh núi xa. Sương ngổ lời
đêm: Miên ly biệt. Không trở về.
Không mở cuộc đi.

March – 07

NIGHT CHATTER

Chatter in the night. The last dew
drops of the cold season. The road
has come to an end. Not necessarily

reversing. Not seeing the strange
light. The day only fades on
the top of the mountain far away.
Dew speaks to night: The place of
separation. Not returning.
Not opening a path to go.

HÌNH NHƯ LÀ

chẳng có chi muộn màng khi giòng
nước kia còn chảy dưới chân cầu
bác qua những giấc mộng: những áng
mây có thực trôi trôi. & ngày
lại dịu dàng đậu trên mắt em
để bầu trời kia lại được điểm
tô bằng những áng mây vô định.
& cuộc đời vô định này lại
là chiếc cầu bác qua những giấc
mộng: để những áng mây có thực
trong những ngày trôi trôi.

AS IF

nothing is too late when the streams
still run under the foot bridge across
dreams: clouds drifting. And day become
softer alighting on your eyes
for the skies to be painted with
the uncertain clouds. And this
uncertain life is the foot bridge
across dreams: permitting clouds to
become real in these drifting days.

April – 07

Translated by Phan Khế
Phan Khế dịch

THẤY EM

Để anh tìm em một
đời nhiều đời nơi khuôn
mặt em ẩn hiện trong
mùa xuân mùa hạ mùa

thu mùa đông nơi mắt
em đen lấp lánh dưới
từng nét chữ anh tìm
lại được kiếp này.

Để anh thấy em sáng
trưa chiều tối để anh
nghe nơi hè phố tiếng
cười em lẫn trong phiên

chợ sớm để anh một
lần ngửi hương tóc em
và rồi mãi mãi sẽ
không còn lạc nhau. Để

anh thấy em hiện lên
lặng lẽ và sáng ngời
trong từng niệm trong từng
hơi thở ngắn hơi thở

SEEING YOU

Let me catch sight of you
in this life and in others,
where your face hovers in
the spring, summer, autumn

and winter, when your black
eyes twinkle along the curved
words I have found again
in this life. Let me catch

sight of you in the morning,
noon, afternoon and evening,
for I shall hear your laughter
along the sidewalks and
around the morning markets,

feel your hair's fragrance once,
and never stray away
from you again. Let me
see you appear calmly

and brightly in every
thought, in every short
breath, in every long
breath, and in every

dài trong từng nhịp tim
anh đập – không rời lặng
lẽ sáng ngời.

Thơ

pulse of my heart – intrinsically,
calmly and brightly.

Ý TƯỞNG

chợt nghĩ đến một ý
rất thơ rồi cũng chợt
quên mất tan mất trong
tâm trí như là chợt
đến chợt đi không còn
dấu vết gì cứ thế
lần mò mãi cũng chẳng
tìm ra rồi bỗng như
thấy đó nằm đó mà
không cách gì diễn tả
được sau đó lại biến
mất trong phút giây trong
tâm tay!

A THOUGHT

had suddenly a thought so
poetic, then saw it quickly
slip and fade away in the
mind, just like something suddenly
coming and going without a
trace; groped for it for so
long and saw it not, then
suddenly seemed to see it
lie there and could not portray
it, and then saw it vanish
instantly away from
the hand.

KINH THẢN NHIÊN

Thản nhiên ngồi nhìn ngọn lửa từ cây
nền thản nhiên ngồi nhìn lửa từ trăm
cây nền thản nhiên ngồi nhìn ngọn lửa
bốc lên từ một mái nhà thản nhiên

ngồi nhìn ngọn lửa bốc lên từ mái
chùa thản nhiên ngồi nhìn ngọn lửa cháy
từ một đỉnh nhà thờ từ một xóm
đạo thản nhiên ngồi nhìn ngọn lửa lan rộng

bốc cao từ những cánh rừng ruộng đồng
và thản nhiên ngồi nhìn rồi nằm lẩn
ra khoái trí khi thấy lửa cháy cả
một giải đất nước mà người ta thường

gọi là quê hương nhưng ai đã ngồi
nhìn rất thản nhiên và ai đã đốt
lên ngọn lửa ban đầu.

300403

SCRIPTURE OF CALMNESS

Calmly sitting and watching the flame from
a candle calmly sitting and watching
the flames from a hundred candles calmly sitting
and watching the flames engulfing the roof

of a house calmly sitting and watching
the flame engulfing the roof of a temple
calmly sitting and watching the flame en-
gulfing the spire of a church in a parish

calmly sitting and watching the flames spreading
and engulfing the forests and paddy fields
and calmly sitting and watching then lying
and rolling joyfully while seeing the

flames engulfing the lands and waters that
they usually call the homeland yet who
sat and watched very calmly and who ignited
the first flame.

300403

PHÁO THĂNG THIÊN

Tôi đã học và tôi
Đã thấy trái táo rơi
Xuống mọi vật không có
Cánh đều rơi xuống tại

Chỗ rơi và đúng chỗ
Tôi cũng đã thấy người
Ta khi bị chặt đầu
Máu vọt bắn lên cao

Như vậy định luật New –
Ton đã sai dù máu
Không thể nào có cánh ...

Sàigòn 09 – 02

SKYROCKET

I learned and I saw
That all apples fall
Down, that all things without
Wings would fall down

Where they must fall down
I also saw that
A human being
Was beheaded and

His blood stream rocketed
High thus the law of
Newton was wrong because
The blood Could not have

Wings ...

Sàigòn 09 – 02

TRÊN ĐÀU CỎ CÚ

Thằng gù và thằng cười
Hai thằng chơi với nhau
Thằng gù thì cứ gù
Thằng cười thì cứ cười

Cái ghế và cái bàn
Cái bàn và cái ghế
Hai cái chơi với nhau
Đẻ ra ly cà phê

Thằng người và con người
Con người và thằng người
Hai đứa chơi với nhau
Đẻ ra lòng thù hận

Đẻ ra cây cỏ cú ...

Sài Gòn 011202

ABOVE THE NUTGRASS

A hunchback guy and a smiling
Guy ... Both guys befriend each
Other; the hunchback guy just
Stays with his hunch, and the smiling

Guy just stays smiling. A chair
And a table, a table and
A chair. Both of them play
Together, giving birth to

A cup of coffee. A guy
And a gal. A gal and a guy
Both of them play together
Giving birth to the mind of

Hatred. Giving birth to the nutgrass ...

Sàigòn 011202

TỪ ĐÂU

Người từ đâu đến đến hay về đây
nằm chết trên đồi trọc thời gian sau
đồi núi non cây thành rừng xanh
thời gian sau nữa rừng cháy xác người

cũng chẳng còn nhưng vẫn có người hỏi
người từ đâu đến đến hay về đây
và chết trên đồi trọc thời gian sau
sau nữa đồi trọc năm xưa vẫn là

đồi trọc với những tảng đá bơ vơ
bơ vơ như những tấm bia trời dựng
người từ đâu đến đến hay về đây
nằm chết trên đồi trọc với thân thể

không thương tích không bị dao đâm hay
súng bắn – thời gian sau người ta biết
rằng trái tim của người đã nát tan
trái tim nát tan.

05.2005

FROM WHERE

From where are you coming, newly coming
or just returning, to lie dead on the bare
hill. Later, the hill will become a mountain,
and the trees will become a deep forest.

Later and later, the mountain will burn,
and your body will be gone; however,
somebody will keep asking that from where
are you coming, newly coming or just

returning, to lie dead on the bare hill.
Later, and still later, the bare hill
of the ancient years will remain a bare
hill with some boulders lonely, so lonely

as the stela erected by gods. From
where are you coming, newly coming or
just returning, to lie dead on the bare
hill with a body having no wounds, neither

a knife thrust nor a gunshot – Later, people
will know that your heart has broken into
pieces, that your heart has broken into
pieces.

05.2005

NĂM XƯA

Đêm hãy buông tha đừng xiết cổ
đêm hãy buông tha đừng đè lên
ngực – người đàn bà ngồi im như
tượng cẩm thạch người đàn ông ngồi

im như tĩnh vật người đàn bà
vẫn ngồi im như thế từ cái
năm dưới nước đi bằng thuyền và
trên bộ đi xe ngựa người đàn

bà vẫn ngồi im như thế từ
cái năm vị vua nhà Nguyễn cuối
cùng lên ngôi và người đàn ông
còn yêu dấu ... dấu yêu và người

đàn bà vẫn ngồi im như thế
rồi người đàn ông liếc nhìn chỉ
thấy một tượng đá cẩm thạch rịn
mồ hôi căn phòng lạnh toát đóng

băng ... băng đóng ...

Sàigòn 250503

THE ANCIENT YEARS

Oh night, release your hold, don't strangle
her neck. Oh night, release your hold, don't press
on her chest – the woman sits quietly
like a marble statue, and the man sits

quietly like a still object. The woman
has sat quietly like that since the year
when people started rowing boats on rivers
and riding horse carriages on roads. The

woman has sat quietly like that since
the year when the last king of the Nguyen dynasty
was enthroned, and when the man was in
love... and still beloved. And the woman still

sits quietly like that. Then the man glances
at her and sees only a marble statue oozing
sweat in a cold hall which keeps freezing...
keeps freezing ...

Sàigòn 250503

NGƯỜI NHẠC SĨ GIÀ

Tặng MVP

Bao nhiêu lần rồi tôi nhìn vào tấm
ảnh in trên báo người nhạc sĩ già
nua mái tóc rũ đầu hơi cúi và
hai tay buông thõng ngồi bên chiếc dương

cầm còn già hơn người nhạc sĩ già
nhìn mãi – nhìn mãi – chiều hôm qua tôi
lại nhìn bỗng nhiên muốn hét lên rõ
ràng người nhạc sĩ đang ngồi bên chiếc

quan-tài của chính mình người nhạc sĩ
già chiếc dương cầm già và cái quan
tài cũng già.

AN OLD MUSICIAN

Dedicated to MVP

So many times I gazed at a picture
In the newspaper showing an old musician
who bent his head slightly forward, put
his arms down, and sat next to a piano

which was older than the old musician.
Gazing again, and gazing again.
Yesterday afternoon, I gazed at it
again, and suddenly wanted to scream

that the musician obviously was
sitting next to his own coffin. An old
musician, an old piano, and also
an old coffin.

TẬP HỢP SỐ THỰC

Nếu gọi y là
đời sống, gọi z
là tình yêu. Nếu
gọi u là bạn
bè, gọi v là
cà phê, và gọi
 t là hò hẹn
thì $y = z$
+ $u + v$
+ t hình như
vẫn thiếu. Nếu gọi
 r là quá khứ,
gọi s là hiện
tại, và gọi t
là tương lai thì
 $y = z +$
 $u + v +$
 $t + r +$
 $s + t$ hình
như vẫn chưa đủ.
Sẽ gọi m là
mùa xuân, n là
mùa đông, l là
những giọt nước mắt,
 o là tay nắm,

A SET OF REAL NUMBERS

If saying that y is
life, then just say that z
is love. If
saying that u is
friend, v is
coffee, and
 t is a tryst,
then $y = z$
 $+ u + v$
 $+ t$ appears to fall
short. If saying
that r is the past,
 s is present,
and t is future, then
 $y = z +$
 $u + v +$
 $y + r +$
 $s + t$ appears
still not enough.
I will say that m is
the spring, n is
winter, l is
drops of tears,
 o is hand-holding,

p là dày vò,
 q là u mê.

...

$y =$ tất cả

Gọi x là em

thì y sẽ bằng

x và sẽ bằng

không khi em không

còn là số thực.

p is anxiety,
and q is ignorance.

...

$y = \text{all}$

If saying that x is you,

then y will be equal
to x and will be equal
to zero when you are
not a real number anymore.

TẬP HỢP SỐ ẢO

Khi em không còn
là số thực y
bằng x và không
bằng không mà đúng
ra $y = ix$
em là ảo đời
sống là ảo vì
nó là em và
những gì thuộc về
nó $z, u, v,$
 $t,$ quá khứ, hiện
tại, tương lai, $m,$
 $n, l,$ tay nắm,
dày vò, u mê
cũng ảo theo đúng
luật toán học. Nhưng
ta vừa thấy em
chiều qua trong tay
nắm với kẻ khác,
và ta lê thân
xác ta về rũ
rượi, đời sống ta
thật sự đã là
con số không to
tướng Ta đang muốn

A SET OF IMAGINARY NUMBERS

When you are not
a real number y equal
to x anymore and are not
a zero, then it must
be $y = ix$
because you are imaginary
and life is imaginary, because
it is you and
all things belonging to
it – z , u , v ,
 t , the past, the
present, the future, m ,
 n , l , hand-holding,
anxiety, ignorance –
are also imaginary, according to
the law of algebra. Yet
i just saw you
yesterday afternoon holding
hands with an other guy,
saw me dragging my
body home exhaustedly, and saw my
life really being a
huge zero who now wants

nói điều gì chính
ta cũng không hiểu.

Ghi chú

Để đọc được bài này xin đọc bài “Tập hợp số thực”

to say something that
i myself also cannot understand.

Note

Please read the poem “A Set of Real Numbers” before reading the
above poem

KHOẢNG GIỮA

1 2 không có gì
ở khoảng giữa, x y
không có gì ở khoảng
giữa, *ngày* *đêm* không có
gì ở khoảng giữa. Bỏ

đi khoảng giữa 12 , xy ,
*ngày**đêm*. Thêm vào khoảng giữa

$1 < 2$, $x = y$, *ngày* và *đêm*

Khoảng giữa chúng ta là
gì? Không có gì, không
còn gì. Nên chúng ta
không hiểu được nhau

IN BETWEEN

I *2* have nothing
in between, *x* *y*
have nothing in
between, and *day* *night* have
nothing in between. Take

away the middle space of *I2*, *xy*,
day night. Add a space in between

I < 2, *x = y*, *day* and *night*.

What is the space in between
us? Nothing at all, nothing
more at all. Thus we cannot
understand each other.

SÁCH HOANG

Không còn ai để chuyển lại, bản
chép tay ngổn ngang phế tích – sách
làm hoang. Sách không tìm ra người
đọc, không một lần được lật lên

nữa – sách hoang. Sách bị truy đuổi,
đày đọa, bị chôn giấu trận đi
tản, sách bị treo mòn, bỏ quên
nằm phủ bụi – sách hoang. Sách không

còn cháu con ngó tới, triệu con
chữ chết lì đáy ciet – sách hoang.
Không ai chép truyền, người yêu chữ
hết hứng, đã tay yếu, mắt mờ,

đã mỗi một – sách hoang. Cha nói
con chữ không được đọc to lên
trước lúc mặt trời mọc, chúng nó
bệnh – tiếng nói làm hoang. Với trang

sách hoang, với cả đồng bản chép
tay bỏ hoang.

WILD BOOKS

Having no more recipients, the handwritten manuscripts lay strewn in ruins – books made to be wild. Books find no more readers, and have no more chances to be

opened – wild books. Books are expelled, are banished, are buried at the time of evacuation, are hung to be worn, and are left to be forgotten in dust – wild books. Books

have not been looked at even by children and their future children; millions of words lay dead at the bottom of *ciet* – wild books. No one handwrites anything anymore;

the word-lovers run out of muse, and feel tired with their misty eyes and weak hands – wild books. Dad says that words should not be read loudly before the sunrise because they are sick –

voices made to be wild. With book pages now wild, and with piles of handwritings now wild.

* A *ciet* is a case for carrying books, such as school children might use

MỘNG ĐỘC

Mẹ mộng độc. Thầy Kalong thôn cuối
đưng đưa quả lắc báo năm nay
đại hạn. Mang thai bọc khối buồn
tôi chín tháng thiếu ngày, mẹ đẻ

Vẫn chưa độc, thầy pháp nói năm
tôi hết chỏm sông Lu làm lụt
trôi nửa plây kéo đổ căn nhà
Yơ độc tôi bọn trẻ chúng tôi

chơi kuk dọp ngủ lang chết hụt
Đánh đòn tôi, mẹ khóc. Mộng còn
độc hơn nữa, thầy phán – thằng Klu
sẽ làm cái gì rất kì quặc

khác lạ trần đời. Mẹ buồn từ
ngày bọc thai tôi như mang khối
u độc. Mộng độc ám mẹ không
thôi.

POISONOUS DREAMS

Mom had poisonous dreams. Shaman *Kalong* at the edge of the village swung a pendulum, and foretold a bad drought coming that year. Pregnant with a sad pouch, Mom gave birth to

me, a stillborn of nine months. Seeing more poisons, Shaman said that in the year when I cut the scalp hair tuft, River Lu would flood; it actually flooded one half of the village,

and broke down the house *Yor*, where we, the children, came nightly to play *kuk dop* game and sleep away from home, and almost died. While caning me, Mom cried. The dreams were more poisonous,

Shaman said – the kid *Klu* would do something extremely weird, differently from others. Mom had become sad since the day she carried me in her tummy as if

carrying a poisonous tumor. The poisonous dreams have haunted Mom endlessly.

SÔNG LU

Sông Lu sinh ra cùng tôi năm đình
dậu. Hai mươi tháng hạn sông Lu nằm
phơi thân trầm dòng vào lòng đất. Sông
Lu chảy quyết liệt lúc tôi vỡ tiếng

nói đầu đời, sông Lu ẩn mình trong
tôi khi tôi bỏ làng đi lang bạt,
lần nữa sông Lu lại ra đời với
tôi ngày trở về. Đừng ai hỏi sông

Lu ở đâu, đất Phan Thiết sông Lu
lớn dậy chảy ngang trời Sài Gòn bay
Tokyo, sông Lu tắt Baghdad
hát cùng Euphrates. Sông Lu ngã bệnh

chết khát, như tôi, sông Lu giận dữ
gào thét hay rì rầm kể chuyện. Sông
Lu khô – cháy, đứng – đói, đầy – trào, sông
Lu nung nóng đôi cát hay sông Lu

THE RIVER LU

The River Lu and I were born in the
same year of the Rooster. In twenty months
of drought, River Lu laid flat to dry its
body and blend into the soil. River

Lu streamed swiftly when I broke out
the first voice of my life, River Lu lay
hidden in me when I left the village
for wandering, and again River Lu

came back to life with me the day I returned
home. Nobody should ask where the River
Lu is; River Lu has grown up from Phan
Thiet, flowed across the sky of Saigon, flown

over Tokyo, swerved around Baghdad,
and sung with Euphrates River. The River
Lu falls ill dying of thirst; and like me,
River Lu screams its anger or whispers

the stories. River Lu dries – burned, stands –
hungry, and rises full – spilled; River Lu burns
hot the sand hills, or River Lu breaks its
banks and carries fertile soil to nurture

tự vỡ bờ chở phù sa bồi ruộng
đất quê hương. Cả khi sông Lu bị
con người biến thành thứ mương tháo vô
dụng, sông Lu vẫn cần cù mang phù

sa đổ vào biển. Sông như là mang
phù sa đổ vào biển.

the fields and motherland. Even though when
River Lu is made by humans to become
a useless gutter, River Lu still carries
patiently the fertile soil and pours into

the ocean. Living as carrying the
fertile soil and pouring into the ocean.

TRÂU KHÓC

Những con trâu khóc vào đời tôi. Chàng
Mok hiên ngang một cỡi dẫn đàn qua
đồi cộp tát phải mộng xe cam không
chở về bỏ cỏ nó khóc tin mình

sắp chết, cha đào hố sâu lút đầu
chôn với đám lá, mẹ khóc. Đứng năm
sau cái Jiong già đứng khóc nhìn cháu
chất trận dịch sáu hai dất đi trống

chuồng cô đơn với mấy cu con ngòi
khóc. Cu Pac sừng dài oanh liệt mỗi
mùa cạ gãy hai đầu cày, cha qua
ngoại cậu út hú mấy chú trói đê

ra cửa mắt gần nửa sừng trái, nó
khóc điên dại giấy đành đập như hôm
bị thiên, còn hơn thiên trông chả giống
ai, cha về nó khóc. Bạn đi cặp

THE CRYING BUFFALOES

The crying buffaloes entered my life.
The male buffalo *Mok*, proudly in his
land, led the herd across the hill; a tiger
slapped on his butt, and a truck carried

him back. He refused to eat grass, cried, and
believed that he was dying. My dad dug
a pit deeper than my height, and buried
him with branches full of leaves; my mom cried.

Exactly a year later, the old female
buffalo *Jiong* stood crying, watched her
grandchildren being led away by the '62
epidemic, and felt the loneliness

in the hollow stable, where her few offspring
sat crying. The bull *Pac* with long horns
gloriously rubbed and broke two wings of
the plow yoke every season. When my

dad went out to his mom, my youngest uncle
howled and with my other uncles tied the
bull, then sawed away half of his left horn;
the bull cried madly, shook as fiercely as

nàng Pateh mãi khóc cho dáng đẹp rất
đực của mình, cha bắt kéo xe đỡ
riết thành quen, chúng bạn quên mất nó
cái, có mỗi nó nhớ mình cứ trình

dù đã qua đi sáu mùa rẫy, nó
khóc không nước mắt. Những con trâu khóc
ướt tuổi đại tôi.

the day he had been castrated, and as worse
than being castrated for looking like nobody.
When my dad came back home, the bull cried. His
companion, the female *Pateh*, cried endlessly

for her quasi-masculine beauty. My
dad made her help pull the wagon, and
her peers forgot that she was a female
buffalo; only she remembered that

she was still a virgin and that over
six farming seasons she cried without tears.
The buffaloes cried and wetted my naïve years.

ÔNG PHOK

Ông không làm gì cả, đi loanh quanh. Ông không đi đến đâu cả, đi rồi về. Ông không làm gì cả, ông suy nghĩ – không nghĩ ra

cái gì cả. Con cháu nói thứ ăn hại, ông cười buồn. Lối xóm bảo đồ lười biếng, ông nín lặng. Không lo đói, lo rét gì cả –

giữa đời làng bẽ bộn. Ngồi trên tảng đá, ông không nhìn gì cả, tròng tròng. Ông lẩm bẩm câu thần chú không ai hiểu gì cả, ông

cười không kẻ biết cười gì cả. Ông đứng dậy bước về phía góc khuất xương rồng, và vén váy ngồi đái. Ông về, làng như thể của

ông không là của ông. Ông vào, nhà của ông hết là của ông. Một sáng thức dậy, ông bỏ đời đi mất xương cốt.

MR. PHOK

He did nothing, just rambled around. He arrived nowhere, just went out and came back home. He did nothing, just thought – and nothing came out from his thoughts. His children and

grandchildren said that he was a parasite; he smiled sadly. The neighbors said that he was lazy; he stayed silent. Just not worrying about getting hungry and cold – amid

the village life full of mess. Sitting on a rock, he looked at nothing, just gazed at nowhere. He mumbled some magic words, and nobody understood; he laughed, and nobody

knew why he laughed. He stood up, walked to the corner after the cacti, pulled up his dress a bit, sat down and peed. He returned, and his village belonged not to him anymore.

He got home, and his home belonged not to him anymore. In a morning, he woke up, left his life, walked away, and lost all bones and ashes.

MỘT NGÀY TRONG ĐỜI TRẦN WŨ KHANG

Một ngày trong đời của Trần Vũ
Khang một ngày như mọi ngày *, hấn
bước chậm rãi về phía chuồng bò
dáng cao lớn khom khom, hấn dừng

Lại nần ná hồi lâu rồi bước
tới. Một ngày như mọi ngày buổi
sáng hấn mở chốt chuồng từ từ
vậy thôi, nhìn lũ bò bước ra

Khỏi chuồng chậm rãi hấn đếm một
- hai - ba - bốn - năm từng con một
rồi nhìn theo đuôi con cuối cùng
đi khuất sau khóm xương rồng, hấn

Quay lại ngồi trên ghế mây dưới
giàn mướp ở đó có sẵn bình
trà với ly đen vợ hấn vừa
mang tới. Một ngày như mọi ngày

Hấn nói cảm ơn mình đảm đang
nuôi anh ngày ba bữa chẳng làm
ra đồng tiền hạt gạo trần trở
nổi dậy bánh xe thi ca Việt

ONE DAY IN THE LIFE OF TRẦN WŨ KHANG *

One day in the life of Tran Wu Khang,
a day just like every day, he walks
slowly to the cow barn, parades his bent
and large figure, stops a little bit, and

Then walks forward. In a day just like
every day, in the morning he lifts
the barn latch thus slowly, watches the cows
come out of the barn slowly, counts one- two-

Three-four-five every cow, then observes
the tail of the last one vanishing behind
the clump of cactus, and returns to sit

On a cane chair beneath the arbor of
loofa where a teapot and a black cup
are just brought there by his wife. In a day
just like every day, he says thanks to

Her for devotedly bringing three meals
a day for him, who cannot make a cent
or a grain of rice while soberly pushing
the wheel of Vietnamese poetry being

Đang mắc kẹt dưới lầy lặn tới
đâu không biết & không ai biết
hắn thủng thẳng nhâm nhi nhìn vào
trời nắng. Một ngày như mọi ngày

Buổi chiều khi cái đuôi lọ con
bò cuối cùng lọt thỏm vào chuồng
hắn bước đi dáng lom khom cao
lớn về phía chuồng từ từ đóng

Chốt lại một ngày trong đời của
hắn.

* Trần Vũ Khang là tay viết nghiệp dư, có vài bài đăng báo vào khoảng 1996. Sau gần 10 năm ẩn, xuất hiện trở lại vào 2004.

“một ngày như mọi ngày”: Lời trong một bài hát của Trịnh Công Sơn

Stuck in the sleet to make it roll to an
unknown place that nobody knows about;
thus he sips tea slowly and watches the
sunshine. In a day just like every

Day, in the afternoon when the spotted
tail of the last cow gets in the barn, he
parades his bent and large figure, walks
slowly to the cowbarn, and latches inside

a day of his life.

* Trần Vũ Khang was an amateur writer, having some articles published in newspapers around 1996. After ten years living as a recluse, he appeared again in 2004.

“A day like every day”: words from a song written by Trịnh Công Sơn.

SÔNG LÙI

Tôi sống trong cộng đồng mà mọi thứ
đều lúi. Những đám cây mọc lúi nhỏ
dần vào hạt mầm, tận kiếp trước hạt
mầm. Con sông chảy lúi, rất xiết. Thằng

bạn tôi đám cháu của tôi anh chị
em cha mẹ tôi đi lúi bé dại
dần. Tôi đứng nhìn bất lực, không thể
ghì níu. Những ý tưởng nghĩ lúi về

thời tiền sử, bản chép tay mọc thêm
trang lật lúi như thể hết làm thất
lạc. Ngôi nhà cô hàng xóm thuở bé
thơ đồ nát được dựng trở lại. Giọng

nói quen và lạ nói lúi vào chiều
vào trưa vào đêm gọi dậy oan hồn
tu sĩ tiếng thét đại ngộ đánh thức
loài hổ mang thần thoại trườn đổ một

LIVING IN REVERSE

I live in a town where all things go in reverse. The bushes grow reversely, shrink smaller back into seeds, and roll back into the past-life seeds. The river flows

reversely, very swiftly. My friends, my nephews and nieces, my siblings, and my parents walk reversely, and steadily become smaller, younger.

Helplessly, I stand, watch and cannot grasp things back. The brains think reversely into the prehistory; the handwritten pages decrease, turning reversely for

never being lost. The ruined house of the neighbor girl is built reversely, becoming back the house of her young days. The voices, familiar and unknown, talk

reversely into the afternoons and noons and nights, calling up the wronged ghost of a priest whose enlightened shout wakes up the legendary copperhead, which slithers

góc rừng. Trận lốc thổi lúi bóc lớp
trầm tích lộ thiên bạt ngàn thành phố
cổ triệu triệu viên gạch vụn lạnh lặn
trở lại dựng mênh mông cụm tháp xum

xuê bàn tay vẫy môi cười màu áo
làng mạc tiếng quạ kêu lũ chim bay
lúi vào vòm nắng. Mình tôi đứng cô
độc.

and crushes a corner of the forest. The
tornado blows reversely, peels away
the layer of sedimentary rocks,
and shows thousands of ancient cities, where

millions of bricks become new again to
build countless clusters of towers, and where
the waving hands, smiling lips, colorful
clothes, villages, crow's cries, and flocks of birds

fly reversely into the sunshine arc.
I solely stand, lonely.

TRẺ DẠI

Tôi đã làm khổ cô láng giềng niên
khóa cuối trung học trước khi làm lang
thang. Năm năm nàng chờ, thằng Vang nói
mây quá tệ làm nó khổ mây ngủ

ngon ăn khỏe còn nhăn răng cười như
khỉ. Ôi em còn hay đã thành ma,*
hôm nay trời trăng nào biết? Tôi đã
chửi tệ bà nhà quê đáng tuổi mẹ

không một lời bà quay lưng đi dáng
lom khom muốn đổ. Bốn mươi năm bà
quên, tôi thì cứ nhớ. Tôi đã chơi
bóp cổ chú chó con nhà hàng xóm

cho tới chết. Tôi đã bẻ trộm cả
đồng mả tre bác người Raglai bạn
nôi khố của cha. Tôi đã đánh bẻ
hội đồng thằng chăn trâu làng bên ăn

A NAIVE YOUTH

I made a neighbor girl suffer in my
last year of high school before I became
a wanderer. She waited five years for me;
my buddy Vang told me that I behaved

badly because I made her suffer while
I slept tightly, ate well and laughed with teeth
showing like a monkey. *Oh, is she still
in this life or gone to become a ghost —*

can the sky or moon know the answer now?
I swore badly at a rural woman
who looked the same age as my mother, and
then saw her quietly turning her back,

hobbling away and almost falling down.
Forty years later, she now forgets and
I still remember. I played with the neighbor's
dog and choked it to death. I, like a thief,

plucked bunches of bamboo shoots from a *Raglai*
who was my father's childhood friend. I joined
a mob beating on a cowherd from a
neighboring village who came to steal a

cấp lúa bó bác Phôk. Tôi đã trịnh
trọng thử học làm thiền sư rồi bỏ
sau lưng sự đã rồi đã rồi đã rồi
nhưng không thể. Không sự cố nào khiến

tôi đốn ngộ không bài học nào làm
tôi tiệm ngộ. Tôi đã không thể quên
không bao giờ. Bao giờ.

* Thơ Nguyễn Đức Sơn

bundle of rice stalks from uncle *Phôk*. I
solemnly tried to learn how to be a
zen master, dropped behind all things of the
past, and could not do that. No incident
could make it.

MỘT LẦN GIỮA NHIỀU LẦN

Một lần giữa nhiều lần đi ngang
chiếc cầu nhìn xuống dòng sông thấy
đời đen màu trên hè đường dưới
chiếc cầu mưa xối xả cứ đợi

Mãi một người chẳng tới suốt đêm
thâu một lần ôi một lần quá
nhiều lần cứ đứng suốt đêm thâu
tự nhủ mình không thể trở về

Bất cứ đâu bất kể tự nhủ
mình lần này đây chắc là lần
mình tự tử một lần giữa nhiều
lần là lần này đây trên một

Bệ cửa sổ trên cao trên nhà
phổ một bông hoa đỏ thắm mưa
tự nhủ một lần ngó thấy một
lần thôi cũng đủ xong về nơi

ONCE AMONG MANY TIMES

Once among many times I walked across
the bridge, looked down at the river, and saw
life turn black on sidewalks under the bridge
while the rain fell hard and waited for

someone who could not come all night long. once,
oh, once and so many times, I stood all night
long, and told myself that I could not return
anywhere, despite that I told myself

that this one time could be the time I would
kill myself once among many times, and
that this time at the base of a window
high up from a townhouse there appeared

under the rain a deep red flower which
I saw this one time and told myself that
just this one time was enough for me to
return.

NGHĨA TRANG ĐA THỌ

Tôi có một cô em
Ở đôi Đa Thọ nhắn
Rằng tôi hãy mau trở
Về đôi đã quý sẽ
Dẫn tôi tới mộ sẽ
Biểu nơi này đích thực
Là quê của tôi đây
Dù không phải quê tôi
Nhưng cô em đã ở
Đó đời đời đã quý
Đã bấy nhiêu năm ngày
Đại bấy nhiêu nắng hanh
Gió hát hiu đời đời

Dã quý cảnh bên hoa
Vàng bia mộ khắc tên
Em trên đôi Đa Thọ
Trên vách núi đá trên
Thân thông già buộc tôi
Quên khó hơn là nhớ
Mùa về tôi cũng về
Thôi quê tôi đây hiển
Nhiên trắng lưng đôi bụi

DA THO CEMETERY

I have a younger sister from
Da Tho Hill who sends word that I
should rush back to the hill of
sunflowers, where she will take
me to the graveyard and will
say that her hometown is truly
there despite that it isn't truly
hers; however, my sister lives
there among everlasting sunflowers,
and her years of innocence
have become years of crispy
sunshine and forever breezing

wind. Stems of sunflowers slant
their yellow blossoms over
a tombstone with her name engraved
which stands on Da Tho Hill and
next to a wall of rock mountain
where an old cypress tree makes
me became part of the memorial
and where I visit every
season. Thus my hometown is
full of white dust on the middle
of the hill, where stems of sunflowers
slant their yellow blossoms

Dã quỳ cài hoa vàng
Trên mộ Đa Thọ trao
Em, em gửi lại tôi.

over Da Tho's tombstone to
her – and she passes the flowers
on to me.

ĐI PHƯỢT EM ƠI

Tạm biệt thành phố nóng như lò
lửa những ngày nắng mưa thất thường
nghet thở tôi ba lô lên vai

hành trang không phải khẩu súng tiểu
liên với hai cơ sở đạn giết
người của một ngày ba mươi năm

trước vẫn còn bóng rợp trong trí
nhớ hôm nay tôi hăm hở lên
đường đi phượt với ước mơ đã

bị vò nát nhàu tôi đi tìm
bà mẹ Mán Cao Lan ăn nắm
xôi thơm trong câu thơ dĩ vãng

đêm về nhẩy lửa vui hát giữa
rừng ngủ quên bên dòng suối trong
xanh tôi đi tìm năm tôi mười

tám tuổi năm tôi hai mươi tuổi
năm tôi ba mươi tuổi năm tôi
bốn mươi tuổi khi tôi chưa hề

PLEASE GO *PHUOT*, OH MY DARLING

Saying goodbye to the city which burns
like in a fiery furnace and has erratic
days of rain and sun, I wheezily shoulder

a backpack of belongings – not the machine
gun and two bullet-magazines for
killing of thirty years ago that are

still burning in my memory today.
Eagerly to go *phuot* with a dream that
has been crumpled, I go to search for

the Man Cao Lan mother who eats a handful
of fragrant sweet rice in ancient poems, dances
nightly around a bonfire, sings to

the forest and falls asleep near a clean
blue creek. I go to search for the year when
I was eighteen years old, when I was twenty

years old, when I was thirty years old, when
I was forty years old, when I had earlier
neither made love with you nor learned to

làm tình với em cũng không biết
trò quấy tình dục em. Tôi
đặt em ngồi lên bàn và nói

với em một điều đơn giản xin
em đừng tin những điều lải nhải
quanh em hãy cúi xuống tin vào

đôi bàn chân em đang bước đi
hãy ngẩng lên tin vào tiếng đập
trái tim ngực em và nếu có

thể xin em hãy tin vào tình
yêu của tôi dành tặng cho em
hôm nay khi tâm hồn tôi cũng

đã khoác ba lô lên đường đi
phượt bỏ lại phía sau những tháng
ngày đón hèn chật hẹp đời tôi.

* đi phượt nghĩa là ba lô trên vai và đi xe
mô tô và không ngủ trong khách sạn.

sexually harrass you. I make you sit on
the desk and tell you a simple thing that
you should not believe the words parroting

around you, and please lower your head and
trust your feet while you are walking, and
please raise your head and trust the heartbeats from

your chest, and if possible please trust
the love I have for you today when my
soul already carries a backpack to

go phuot and leaves behind my months and days
of a shameful life.

Note

phuot means to go travelling with a motorcycle
and a backpack, and not staying at any hotel/motel.

GUƠNG MẶT THẬT TÌNH YÊU

Đã nhiều lần anh muốn hái tặng
em những bông hoa ngoài bãi sông
những bông hoa không có tên, những

bông hoa có mùi của đất bùn
có mùi của ánh nắng, có mùi
của những cơn gió không hề biết

do dự, những bông hoa có một
cuộc đời ngắn ngắn ngủi ngủi quyết
liệt, chúng chỉ sống có một ngày

chúng nở tung cánh vào lúc bình
minh khi đất trời rạng sáng và
chúng rụng cánh tả tơi tàn lụi

khi mặt trời lặn xuống. Đã nhiều
lần anh lại muốn choàng lên vai
em chiếc ba lô bụi và kéo

em đi lang thang bất cần cùng
trời cuối đất. Đêm mùa hè ta
nằm bên nhau giống như hai con

TRUE FACE OF LOVE

So many times I want to give you
the flowers plucked from river banks,
the flowers that have no names, the flowers

that have the smell of dirt and mud, the smell
of sunshine, the smell of unwavering
winds, and the flowers that have a short life

of powerfulness – they live only one
day blooming in the sunrise when light shines
through the sky and earth and scattering

the falling petals when the sun goes down.
So many times I want to strap on your
shoulders a “dirt backpack” and drag you

to wander carelessly to the border
of sky and earth. In summer nights we will
lie down beside each other like two small

dế nhỏ cùng uống những giọt sương
đêm đang lặng lẽ rỏ xuống từ
bầu trời cao bí ẩn, chúng ta

sẽ bất chợt nhìn thấy rất rõ
gương mặt thật của tình yêu mà
bao nhiêu năm tháng qua anh và

em vẫn mê mãi tuyệt vọng đi tìm.

crickets drinking the dewdrops of night
calmly falling from the mysterious
sky and we will suddenly see very

clearly the true face of love that for so
many years and months you and I have
searched for desperately.

ĐÔI MẮT EM BUỒN BIẾT MÀY

nói ít thôi xin ai đừng nói
nữa những buổi sớm mùa thu những
buổi sớm mùa đông và cả những

buổi sớm mùa hè, mùa xuân em
biết không anh buồn đến nỗi ngậm
miệng lại và trốn ra ngồi trên

nhịp cầu gãy đôi ở cuối thị
xã. Cây cầu này hồi chiến tranh
đã bị bom xé nát tan tành

bây giờ không hiểu sao nó lại
bị bỏ quên. Và cũng không hiểu
sao khi cúi nhìn dòng nước dưới

chân cầu đang cuộn cuộn trôi đi
anh lại thấy đôi mắt của em
mở to đau đớn dăm dăm. Đôi
mắt buồn đến nỗi anh nhìn thấy
những năm tháng chiến tranh chia
ly, chết chóc đang găm thét hiện

về ... hiện về ... hiện về ... hiện về.

YOUR EYES ARE SO SAD

talk less, please talk no more in the autumn
mornings, in the winter mornings, and also
in the summer and spring mornings, when you

would know that I am so sad that I shut
my mouth and go into hiding to sit
on the broken span of the bridge at

the end of town, which had been bombed and
had collapsed in the war and now is
forgotten for some unknown reasons

and now I don't know why when I watch
the flowing river past the old bridge I
also see your eyes wide opened and deeply

saddened. Your eyes are so sad that I now
see the years and months of the deadly war
roar again and come back ... come back ... come back ...

come back.

SÁNG NAY MI ĐI ...

Sáng nay mi đi xem phim về một
cô gái bị giết chết trong chiến tranh
cách đây hơn ba mươi năm, mặc

dù ông đạo diễn đã khóc hộ người
xem rất nhiều nhưng khi đèn bật lên
mi vẫn không thể đếm được những đôi

mắt đang khóc, trên đường về mi tự
hỏi còn nhìn thấy bao nhiêu giọt nước
mắt như vậy trong mắt những người thất

ngiệp ngồi lê la ở ngoài chợ đưa
người, trong mắt những bà mẹ được vinh
danh anh hùng vì có con chết cùng

thời với nhân vật trong phim, trong mắt
những nhà thơ báng bổ nhưng dễ mau
nước mắt, trong mắt những bà mẹ Mỹ

có con mất tích trên chiến trường bên
ngoài nước Mỹ và trong mắt cả lũ
người nhâng nháo không rõ tên tuổi đang

THIS MORNING YOU WENT ...

This morning you went to watch a film about
a young woman getting killed in the war
more than thirty years ago. Even though

the director had cried for the movie-
goers so much, when the lights were turned on you
could not count how many pairs of eyes were

crying, and on the way home you asked yourself
how many such tears were in the eyes of
the jobless who sat around in the markets

trying to sell their muscles, in the eyes
of the mothers who were honored as heroines
for their sons getting killed in the same war

with the film character, in the eyes of
the poets who were blasphemous but quick
to shed tears, in the eyes of the American

mothers whose sons had gone missing in the
battles outside America, and in
the eyes of the nameless unashamed who

hỉ hả ngồi kia nơi phòng máy lạnh
nhâng nháo đếm những lô đất và hàng
đồng bao tải tiền vừa cướp được qua

những dự án mờ ám, bọn này có
khóc không nhỉ, có đấy, chúng còn khóc
thảm thiết hơn tất cả người lương thiện,

những giọt nước mắt của chúng thật đáng
sợ vì những giọt nước mắt này rõ
xuông không chia sẻ tình yêu thương

mà chỉ mọc lên sự vô ơn dối
 trá tởm lợm khiến mi buồn nôn như
phải đi ngang qua bãi tha ma của

những tâm hồn thối rửa thối rửa

were joyfully sitting in air-conditioned
rooms and insolently counting the land
areas and money bags they'd just robbed

via shady projects. Do these last people
ever cry? Yes, they do. They've cried noisily
more tears than all the honest would, and their

tears are so fearful that these tears have fallen
not to share love but to phonily grow
the ungratefulness, and that makes you want

to vomit just like when you walk through a
cemetery of the smelly decomposing,
smelly decomposing souls.

BAY LÊN

Tặng bạn K. I.

Mi sống hôm nay như là con
chim nháy nhót ở trong một cái
lồng đan bằng nỗi lo sợ hãi

triền miên ngày qua ngày đêm qua
đêm mi nhìn vào tấm gương trí
tệ của mi như nhìn vào một
quả trứng ung không thể ngửi được

thế rồi một buổi sáng mi đi
ra đường đi đến một hiệu cầm
đồ ở giữa chợ đời bát nháo
mi không cầm cổ áo quần cũng

không cầm cổ hai cái lọ cổ
mi cầm cổ nỗi sợ hãi hèn
mọn cầm tù đời mi mấy chục
năm rồi và mi quyết định mời

em uống chung một ly cà phê
hút chung một điều man bô rô
mi nắm tay em và bay lên
bay lên xin em đừng vội hỏi

FLYING HIGH

To my friend K. I.

You live today just like a bird dancing
in a cage weaved with fear day after day
and night after night. You look at your mirror
of wisdom just like you look at a

rotten egg that smells terribly and then in
a morning you go out onto the street
and walk to a pawnshop amid a
topsy-turvy market of life where you

pawn neither clothes nor your ancient vases,
but you pawn the shameful fear which has
captured your life for dozens of years and
then you decide to invite your lover

to drink from the same cup of coffee and
to smoke from the same cigarette of Marlboro.
you take her hand and fly high and soar high,
and tell her not to ask where we will fly

là bay đi đâu bay đi đâu
ta cứ bay lên bay lên em
ơì đừng vội hỏi vì chúng ta

chỉ có thể mãi mãi bay lên
cao bay mãi lên thật cao nếu
chúng ta không biết ta sẽ bay
đi đâu bay về đâu.

to and where we will soar to, and just to
fly high, just to soar high, my darling, and
not to ask now because we can always
fly high, can always soar high, very very

high if we don't know where we will fly to
and where we will soar to.

KẺ LẠ

anh ngây thơ và anh sống như
thằng khờ đung đưa chân trên cầu

gục đầu nhìn dòng sông trôi và
ngẩng đầu nhìn làn mây trôi và

người thấy anh lơ mơ nghe gió
u u trong tai u u u

trong đầu u u u đêm ngày
ray rứt u u liên miên hoài

anh lù mù ngời anh lơ mơ
bay và anh lơ ngơ khóc thầm

trước mọi nỗi đau thương tằm tối
co cónh bị thảm biết bao đời

tất cả điên rồ tất cả điều
linh tất cả bốc mùi anh bay

dưới những vì sao và anh bay
một mình nát lòng không ai hay

A STRANGER

i am naïve, live like an idiot, sway
my legs off the bridge, lower my head to

watch the flowing river, and raise my head
to watch the floating clouds. and they see me

listen vaguely to the wind – hum and
hum in the ears, hum and hum in the head,

hum and hum night and day, hum and hum
fretfully, unendingly. i hazily

sit, i fuzzily fly and i clumsily
cry inside while facing all the pained,

the shadowed, the benumbed – so tragic is
life. all are mad, all are ruined, and

all are stinky. thus i fly beneath the stars,
and i fly alone while my heart breaks and

anh ngồi đung đưa chân không trên
cầu người hăng ngược xuôi tất bật

ngày ngày là bấy ong thợ trong
một tổ ong nhân tạo cam đời

anh bay theo mây trôi theo sông
trôi ra biển trời một mình và

anh đau đớn không ai chia sẻ
một tình yêu cùng một niềm tin

anh cô đơn lặng im bay qua
nỗi chết trù tượng và siêu hình

khờ khạo hay khật khùng mãi như
tên lạ mặt ở chính quê mình

làm sao anh có thể sống dừng
dừng giữa đời với người vô nghĩa

vô tình đến cây cũng mọc ngược
và sâu bọ cũng hóa thần linh.

nobody knows. i sit and swing my bare legs
off the bridge, while people go back and

forth busily, acting as worker bees
daily in an artificial beehive

of life. i fly with the clouds, flow with the
river, and float alone into the vast

ocean, and i suffer that nobody
shares a love and a belief. i am

lonely, fly calmly over
abstract and metaphysical death, and

always feel naïve or insane just like
a stranger in my hometown. how could i

live indifferently in life with those
who are so unrighteous and so

uncompassionate that trees are growing
upside down and that worms and bugs are

becoming gods.

THÀNH ĐỊA MAYA

chúng ta đi trên những con đường
thên thang xưa là những đường mòn
tổ tiên chúng ta đi không đến
đâu trên những con đường thên thang

không cửa không nhà. những con đường
không ngã ba ngã tư không sân
ga không bến đò không gặp ai
quen và cũng không bán khoán ai

lạ. đường thên thang một màu cờ
phủ đến chân trời giữa hai hàng
loa vang dội lời ca. chúng ta
đi bước đều. chúng ta đi và đi.

chúng ta đi và đi. ngày và
đêm. Taliban, Al-Qaeda,
Holocaust, quân La Mã, bọn
SS, sát thủ hàng loạt, bom

THE HOLY LAND OF MAYA

we are walking on the paths which
are so vast, which are the ancient
trails where our ancestors walked and
arrived nowhere, which are the vast

paths that have no doors and houses,
which are the paths that have no three-
way intersections, no four-way
intersections, no train stations,

and no wharfs, meeting no acquaintances
and fretting no strangers. the vast
paths are covered by a color flag
stretching to the horizon between

two lines of speaker poles that
are echoing the songs. we march. we
march and march. we march and march. days
and nights. Taliban, Al-Qaeda,

Holocaust, the Roman soldiers,
the SS thugs, the mass killers,
the suicide bombers, the ground-to-
ground missiles, the nuclear bombs,

tự sát, hoả tiễn đất đối đất,
bom nguyên tử, bom thối, bom vi
sinh.... chúng ta đi trên những con
đường thên thang đầu cúi miệng câm

ngày và đêm. chúng ta đi và
đi không đến đâu. và trong tâm
trí nhòa nhạt chúng ta nhìn thấy
thánh địa kim tự tháp Maya.

the dirty bombs, the biological
bombs... we walk on the vast paths, lower
our heads, and shut our mouths, days and
nights. we walk and arrive nowhere.

and in our foggy minds, we see
the holy land of the Pyramid Maya.

NÀNG RỰC RỠ NHƯ CHIM CÔNG

nàng rực rỡ như chim công
huyền bí như chim hồng hộc
thần thoại như chim lạc từ
trống đồng và cổ tích xưa.

nàng múa lượn thật mỹ lệ
nàng véo von thật du dương
nàng hóa thành thần tiên và
hợp hồn người trong mơ ước

khát khao đêm nung lửa điên.
nàng rủ người đi như ma
trôi như âm binh lục súc
như chó như gà như rác bụi.

tất cả cho hạnh phúc lừa
mị về tình yêu một góc
đông phương truyền đời ẩn ức.
và đuôi khỉ mọc dài ra

SHE IS RADIANT LIKE A PEA FOWL

she is radiant like a peafowl,
mystical like a hong-hoc bird, and
legendary like a Lac bird
emerging from the bronze drums and

ancient stories. she dances and curves
gracefully, she sings in high notes
melodiously, she transforms into
gods and immortals, and she swallows

people's souls in dreams that she's craved
for in the burning night of crazy
fire. she calls for her people to go
like wandering ghosts, like soldiers

of the afterlife, like the six kinds
of animals, like dogs, like chickens,
like trash and dust. she does all just for
a deceiving happiness, and for

a love hidden in an oriental
corner that has been passed along
for generations resentfully.
and the tail of the monkey grows

lông mỹ miều rơi rụng hết
trên ngai vàng khái hoàn nàng
giữa bầy heo mặc đồ jeans
giờ dít đỏ cười khọt khẹt ...

longer and the beautiful hair
vanishes while she sits on the
triumphal throne among the pigs
in jeans, shows her red butt and laughs

screechingly ...

ME

Me kêu bằng tiếng kêu xưa bên
đồng gió lạnh. Me ơi me kêu
bằng tiếng kêu xưa trên đồi núi
lạnh. Tiếng kêu không còn nao nao

như xưa nhưng yêu thương còn vang
âm xưa như me kêu ba bỏ
cánh đồng xưa lên núi đồi xưa
đi tìm đất lạ. Như me kêu

ba từ núi đồi xưa về đụn
cát xưa nằm nghe sóng biển. Như
đụn cát xưa vọng tiếng kêu xưa
tiếng me kêu ba từ thửa ngày

xưa bên đồng gió lạnh.

Phú Diên 08.2008

Thiên Đăng

MOM

Mom calls out with an ancient yell nearby
a field amid the cold wind. Dear mom, mom
calls out with an ancient yell on a cold
mountain. The yell is not emotional

like the old one, but the love within still
echoes the old sound called out by mom to
urge dad to leave the old field, to go up
the old mountain, and to look for a strange

land. Just like when mom called dad out to leave
the old mountain, to come back to the old
sand dune, to lie down and to listen to
the ocean waves. Just like the old sand dune

is echoing the ancient yell called out
by mom to dad since the old days nearby
a field amid the cold wind.

Phú Diên 08.2008

CẶP MẮT CỦA GÃ CẬN THỊ

Tôi để quên cặp mắt
ở trên bàn và bây

giờ trong khi tôi quờ
quạng tìm nó thì nó

trở nên mù lòa trước
thế giới.

THE EYES OF A MYOPIC GUY

I forgot my eyes
on the desk and right

now while i clumsily
grope for them, they

become blind in front of
the world.

ĐOẢN CHƯƠNG NĂM NGOÀI

thế kỷ này ai còn ngồi với
bức tường với cái bóng với tàn
canh gió lạnh bên khu vườn rồi
sớm mai ngồi ôm tro than ai

còn đi đi như ma không nón
và tôi và nhân ảnh và đến
ngồi và đọc ba chương truyện dưới
ngọn đèn trước lều đêm đông ai

còn ngồi nghe mưa kể đời sen
tàn và hồ nước đầy và tiếng
gió và hồi chuông và một lần
sự tĩnh trong đời buồn.

04.2007

A BRIEF CHAPTER LAST YEAR

in this century who still sits aside
a wall, casting a shadow and waiting
the night fading despite the cold wind
invading from the garden; then who in an

early morning hugs the ashes and charcoals
who still walks and walks like a ghost without
a hat and a straw coat and a human
image, and comes and sits and reads three story -

chapters under a lamp in front of the
tent in a winter night who still sits and hears
the rain tell the stories of a lotus

withering and a lake swelling and a
wind whistling and a bell tolling and finds
oneself suddenly awakening in a sad life.

04.2007

Translated by Trần Vũ Liên Tâm
Trần Vũ Liên Tâm dịch

VÀI MÓN BỊ ĐỔ ĐI

em làm món trứng và
canh bí anh chỉ nhớ
lờ mờ vậy khi sáng
nay em dậy rất sớm

vừa làm vừa ngắm anh
ngủ anh nghĩ vậy anh
cố căng mắt ra để
khởi động một ngày mới

thấy em đang chăm chút
làm và chăm chú ngắm
anh ngủ thế mà chúng ta
đã đổ đi món trứng

canh bí và vài món
khác chỉ tại anh nói
không muốn ăn gì khi
anh cố căng mắt ra

SOME DISCARDED DISHES

you made the egg dish and
pumpkin soup, i vaguely
remember, when this
morning you woke up

very early (you're)
cooking while admiring
me sleep, i thought so,
i try to strain my

eyes open to start
a new day, (i) saw
you were carefully
cooking and carefully

admiring me sleep,
such that we threw the
egg dish away the
pumpkin soup and some

other dishes just
because i said (i)
don't want to
eat anything, when

để khởi động một ngày
mới bên cạnh em và
món trứng và canh bí
và vài món khác em

chăm chú chăm chú ngắm
anh khi anh ngủ lúc
sáng nay.

i try to strain my
eyes open to start
a new day, by your
side and the egg dish

and pumpkin soup and
some other dishes,
you carefully admire
me when I was sleeping

this morning.

LẨM NHẨM

lắm lúc đại loại
như tôi nay nó
hoặc vài thứ giống
nó chẳng thể tự
lật mình đây là
lúc tớ bỏ xuống
bàn mớ sách lên
án | dẫn đường con
gián vẫn nằm ngửa
vô vọng trên khoảng
hành lang căn phòng
số bảy ai mà
biết [] lý do nó
đầu đội đất chân
đạp trời mặc kệ
tiếng nước xối trong
phòng tắm hay tiếng
thở mấy anh công
nhân đại loại thế
tớ phải làm gì
giúp con gián lật
ngược [].

BLABBER

many times randomly
like tonight, it or some
thing like it, cannot up-
turn on its own, that is
when I drop on the desk
a bunch of books condemning|
leading the way, the roach
still lays upward hopeless
on the hall's floor of room
number seven, who knows
[] the reason, its head
holding the earth feet
stomping the sky, despite
running water in the
bathroom or breathing noise
of the blue workers,
something like that, what shall
I do to help the roach
turn over [].

TÚN MỪN

ở góc đó em ơi
những con mèo đang nghịch
và leo trèo trên cây
chúng không trò chuyện, không
có một bông Quỳnh trắng
ngây thơ nào hết anh
uống nước cà rốt ép
và hút thuốc lá ở
cái quán cafe chúng
mình đã ngồi quán ca-
fe mình anh ngồi con

mưa ngoài trời không đủ
ướt những con mèo lặng
lẽ im lìm giữa bốn
bề tường dựng em ơi
không một bông Quỳnh nào
nở bên anh và ly
nước cà rốt ép những
chiếc ghế lạnh những con
mèo không trò chuyện chúng
leo cây và nghịch những
chiếc lá khô.

Sài Gòn chiều 11/08

TRIFLES

at that corner, dear babe,
there are cats playing and
climbing on trees, they don't talk,
there's no naive white night-blooming
cereus*, i drink the pressed
carrot juice and smoke cigarettes
at the coffee shop we had
sat, the coffee shop I sat

alone, the rain outside is
not enough to wet, the cats
quietly stay silent in
the middle of four standing
walls, dear babe, not one
Orchid Cactus blooms by me
and the glass of pressed carrot,
the cold chair, the cats do not
talk, they climb trees and play with
the leaves.

* Epiphyllum Oxypetalum, Vietnamese word is Quỳnh, which is also known as Orchid Cactus. It is a tropical flower which has been known as the "Queen of the Night." Quỳnh is also a name for girls.

TÌNH VẬT

Ly rượu được đẩy qua
đẩy lại trên bàn, bàn
tay cầm ly rượu thay
đổi tốc độ di chuyển
ban đầu của ly rượu,
nhanh đến chóng mặt, bàn
tay cầm ly rượu tỷ
lệ thuận với tốc độ
của nó, lời nói tỷ
lệ nghịch với nó, theo
thời gian tốc độ của
ly rượu chậm dần và
rồi những bàn tay hờ
hững với nó và rồi
những lời nói chua chát
với nó, ly rượu di
chuyển với vận tốc say
cho đến khi nó không
còn đứng vững, ly rượu
rơi vào khoảng không chạm
đất vỡ toang.

STILL LIFE

The wine glass is being pushed back
and forth on the table, the hand
holding the wine glass changes
the beginning speed of the wine
glass, fast to the point of feeling
dizzy, the hand holding the wine
glass is proportional with its
speed, the spoken words disproportional
against it, with time the speed of
the wine glass slows down and then the
hands become indifferent with
it and then the spoken words are
harsh with it, the wine glass moves
with such speed that it's drunk to
the point it cannot stand firmly,
the wine glass drops into space touching
the earth [and] shatters.

CÁCH LÀM MÙA THU

Vật liệu: một bao lá
khô, một chút nắng sớm
(hay nắng cuối ngày), một
chút lạnh, một vài cây
trơ trụi. Cách làm: rải

“lá khô” vào nơi cần
cối nhất trong bạn, thả
“chút lạnh” vào nơi lạnh
nhất trong bạn, để những
“cây trơ trụi” vào nơi
trơ trẽn nhất trong bạn,
và cuối cùng thả hờ
“một chút nắng sớm” hay
“nắng cuối ngày” vào nơi
bắt đầu, hay nơi tận
cùng nhất trong bạn (ủ
như vậy vài ngày). Bạn

đã có được một
Mùa Thu?

RECIPE FOR AN AUTUMN SEASON

Ingredients: One bag of dry
leaves, one bit of morning sun
(or sun of the ending day,)
one bit of cold, a few bare
trees. Instructions: spread “dry leaves”

into the utmost unfertilized
place within you, drop “a bit
of cold” into the coldest
place within you, place “the bare
trees” to the most impudent
place in you, and finally drops
lightly “a bit of morning
sun” or “sun of the ending
day” to the beginning, or
the utmost ending place within
you (cover like that for a few

days). Friend, do you have one
Autumn season yet?

KẾT QUẢ

đêm đầy những giấc
mơ ra phía ngoài
nơi không cần đôi
mắt nơi không cần
đôi môi nơi không
cần cảm giác (suy
nghĩ) gặp những điều
kỳ diệu (không tưởng)
và bài thơ là
kết quả của việc
ngoại tình trong những
giấc mơ.

CONCLUSION

The night pushes dreams to the outside
where there's no need for the pair
of eyes, where there's no need for
the pair of lips, where there's no
need for feelings (to think) to
meet the magical (not imagine)
and the poem is the conclusion
of the adultery in the dreams.

BÓNG

thời gian vội vã khi
đưa con nít đi ra
khỏi cửa khi những hàng
cây trần trụi vào cuối
năm song song đám cưới
và đám ma những bóng
cũ trùng lặp thành bóng
mới.

SHADOW

Time rushes when the baby
walks out doors when the rows
of trees are naked at the
end of the year along
with weddings and funerals
the shadows of the old
collapses into new
shadows.

BOLSA CÓ GÌ LẠ KHÔNG EM?

câu hỏi không có câu đáp, tại
vì là em không thuộc về anh
nữa, cho dù bolsa vẫn thuộc
về em, cho dù anh vẫn thuộc

về bolsa, cho dù anh vẫn
thuộc về em, thế thì giờ câu
hỏi là em có gì lạ không
bolsa.

Vancouver, 19-8-2009

Ghi chú

Bolsa được coi là thủ phủ của người Việt tị nạn.

DOES BOLSA HAVE ANYTHING NEW, HONEY?

The question without answer,
because you're no longer mine,
even so Bolsa still belongs
to you, though I still belong

to Bolsa, though I still belong
to you, so now the question
is do you have any news,
Bolsa.

Note

Bolsa is a main street in Westminster, California, and is the center of the greatest concentration of Vietnamese outside of Vietnam. Hence, Bolsa is known as the capital of the Vietnamese refugees.

CHUYỆN VĂN CHUYỆN CHUỘT CHUYỆN MÈO

(Tặng M. A. & K. P.)

nghe nói Margaret
Atwood có trái tim
thép được bọc trong áo
len mỏng, tôi vội cười

chuột tới ngấm bả trên
tienve.org, qua ba
truyện ngắn là những kết
thúc có hậu, túp lều

và bánh mì mà không
thấy tim, chỉ thấy thép
chẳng thấy len, lại thấy
mỏng, dù bản dịch chắc

là ok salem,
tính cùng con chuột ở
đây chờ dịp ngấm lại
bả qua hai tiểu thuyết,

LITERATURE STORY, MOUSE STORY, CAT STORY

Dedicated to M. A. & K. P

[I] heard that Margaret
Atwood has a heart of
steel which is covered in
a thin sweater; I quickly

ride the mouse to view her
at tienve.org; through three
short stories are some good
endings, hut and bread but

[I] see no heart, see only
steel no wool, yet feel the
thinness, although the translation
may be “OK salem”,

[I] plan to stay here with
the mouse to wait for a
chance to view her again
through two novels [I] heard

nghe nói là chuyện người
tỳ nữ và tay sát
thủ mù, tưởng chuyện văn
thế là xong ngờ đâu

con chuột đông thẳng về
sau khi vừa đụng hàng
chữ “bà cùng chồng sống
ở thành toronto

với ba con gái và
một chú mèo”

Vancouver, 18-8-2009

that one is a story of a
maid and a blind assassin,
suppose that is the end
but never thought that

the mouse would rush home at
once after [it] bumped to
the sentence “with her husband
she lives in the city

of Toronto with three
daughters and one cat”

TAY TRÁI THƠ, TAY PHẢI NÚI

nhà thơ có việc vội phải
đi chuyển tàu nhanh, tay trái
cầm theo bài thơ vừa làm
xong, chưa kịp đọc, tàu nhanh

chạy len qua những trái núi
như mọi ngày, mây vẫn đánh
đai quanh sườn núi như mọi
lần, nhà thơ cảm thấy một

trái núi tách ra, nhà thơ
rời chuyển tàu nhanh, tay phải
một trái núi, tay trái còn
nguyên bài thơ chưa kịp đọc.

Vancouver, 8-2009

LEFT HAND POETRY, RIGHT HAND MOUNTAIN

the poet has business, rushes
to take the fast train, left hand
holds the just finished poem,
which [he] has not read, the fast train

runs through mountains
as it has every day, clouds
still swing around the mountain
slopes as they have every
time, the poet feels one

mountain splitting apart, the poet
leaves the fast train, the right hand
one mountain, the left hand still
the whole poem which has not been read.

NHẬT KÝ

ngày hôm nay đang dần
trôi qua nơi đâu trong
đêm tối chỉ còn mùi
khói thuốc bay lờn vờn
trong bộ óc trống rỗng
và không còn nghĩ ngợi
được gì như làm sao
để nhớ hồi ban sáng
đã ăn món gì để
buổi trưa lại còn cào
con đoi không tài nào
giải thích được vì đã
không hề đi lại tới
lui cũng như nghĩ ngợi
bất cứ điều gì trong
một buổi chiều trời cứ
chực mưa giông mà không
tài nào đi ra khỏi
căn phòng máy lạnh
để hít mùi khói thuốc
bay lờn vờn trong bộ
óc trống rỗng và không
còn nghĩ ngợi được gì
như làm sao để ngủ
qua một đêm sau một
ngày dài như mọi ngày
đến thế ...

DAILY JOURNAL

Today is passing somewhere, in
the dark night has only the smell
of cigarette smoke scattering
in the hollow brain and unable
to ponder anything, such as
how to remember what [I] have
eaten this morning so that
midday [I'm] starving, an unexplained
hunger, because [I] did not walk
back and forth to ponder anything,
during an afternoon [when]
the weather still aims to become
a thunderstorm, but [I] cannot
leave this air-conditioned room to
inhale the smell of cigarette
smoke scattering in the hollow
brain and unable to ponder
anything, such as how to sleep
through one night, after a long day
like everyday
like that

July 2007

ETHIC

Ethic khóc gọi mẹ
khi ngoài kia khung cửa
là hơi mưa đã lâu
rồi mẹ không còn hiểu
mưa là gì trong mớ
khái niệm bập bùng của
Ethic trong khi nó
vẫn đang khóc gọi mẹ
vì ngay trên khung cửa
vẫn là hơi mưa bốc
lên từ nắm mồ đã
lâu rồi mẹ vẫn nằm
và không còn hiểu mưa
là gì trong tiếng khóc
mồ côi của Ethic.

ETHIC

Ethic cries for mother
when out there the door frame
is the mist of rain, it
has been a while that mother
can comprehend what
rain is in the bundle
of flickering notions
of Ethic, while it's still
crying for mother
because exactly on the door
frame is the mist of rain
raising up from the tomb,
it has been a while that
mother is still lying and
no longer comprehending
what is rain in the crying
sound of the orphan Ethic.

BÚN RIÊU

Làm sao hấn có thể
hiếu bằng cách nào chiếc
xe đạp của mười năm
trước lại sộc vào trí

nhớ của hấn khi hấn
đang ngồi ăn bát bún
riêu bên lề đường mà
cách đây cũng đúng mười

năm hấn đã đạp xe
đến trường mà khi đó
bà bán bún riêu còn
chưa lấy chồng và béo

nặng nằng như bây giờ
đang đon đả chào khách
để mau chóng bán hết
gánh bún riêu khi cơn

giông buổi chiều đang lừ
dừ kéo đến trong trí
nhớ của hấn với chiếc
áo sơ mi trắng ướt

CRAB-MEAT NOODLE SOUP

How can he understand, how
the bicycle of ten years ago
again rushes into his memory,
when he sits and eats a bowl

of crab-meat noodle soup on
the sidewalk, which exactly
ten years before he rode his
bicycle to school, at the

time the lady selling crab-
meat noodle soup was yet to
get married and fat like now
and, was welcoming guesses with

alacrity so that (she)
could quickly sell the load of
crab-meat noodles, while the after-
noon tornado was dragging

sũng mưa mà chiếc xe
đạp không còn biết lăn
bánh về đâu ngang qua
con đường hắt đang ngồi

ăn bát bún riêu của
mười năm sau và không
hiếu bằng cách nào hắt
đã ăn hết cả trí nhớ.

into his memory, with
the white shirt dripping wet, but
he no longer knew where to
stroll, crossed the road where he's

sitting and eating the crab-
meat noodle soup of ten years
later, and doesn't know how
he had eaten all the memories.

TÔ KHÚC THỨ 5

Không cần một chủ nhật
buồn thì trời vẫn u
ám và ảm đạm như
bài ca của Thái Thịnh
đang văng vẳng trong chiếc
loa máy tính cũ kĩ
của một ngày thứ năm
trời vẫn nhiều mây như
thế đã không thể đánh
thức hần sớm hơn cho
bất cứ một niềm vui
nào để hần thôi ảm
đạm như bài ca giờ
cũng không biết là của
ai, đang văng vẳng trong
tiếng phong linh treo bên
cửa vắng.

SUITE NUMBER 5

Doesn't need the "Gloomy
Sunday", but the sky is still
morose and overcast like
the song of Thai Thinh echoing
from the old computer's
speakers of a Thursday,
the sky still has many clouds
as if it couldn't wake him
up any earlier, for any
joy, so that he's no longer
gloomy like this song now
unknown of its writer,
echoing in the sound
of the wind chime hanging
besides the empty door.

BÀI THƠ ĐIỀU

Em ạ có khi tôi
rất ngại phải bắt đầu
một bài thơ bằng cái
chết của một ai đó
đang khiến cả em và
tôi không tìm lại được
dòng nước mắt tự nhiên
trào ra như một cách,
chúng ta hồi tưởng lại
những kỷ niệm gắn bó
giữa em và tôi và
người đó giờ đây chỉ
còn là những thủ tục
cảm xúc mang ý nghĩa,
tiến đưa cái chết của
một ai đó giờ đây
vẫn khiến cả em và
tôi không tìm lại được
dòng nước mắt tự nhiên
trào ra như một cách
mà có khi chúng ta
không còn ngại để
phải kết thúc một bài
thơ về cái chết của
một ai đó như thế
này.

THE ELEGY

my dear, sometimes I
hesitate much, to start
a poem, using a death
of that somebody which
causes both you and I
to not be able to
hold the stream of tears,
naturally overflows,
as if it is a method
that we again recall
the memories, ties between
you and I and
that somebody, that now,
only left are formal
routines of emotions
that carry meanings, saying
goodbye to the death of
that somebody, that now,
still makes both you and I
to not be able to
hold the stream of natural
tears overflows as if
it is a method, which
sometimes we no longer
hesitate to end a
poem, about a death of
that somebody as if
now.

MÂY TRẮNG

Bờ sông cỏ xanh đã tan sương
mà dòng sông vẫn đang mơ ngủ
bên tà áo dài trắng và chiếc
mũ như màu mây trắng của em,
ngồi một mình, chờ dòng sông thức
dậy gọi tên, khi lòng em đã
tan sương như cỏ xanh đã tan
sương như tà áo dài em chờ
gọi mây trắng ơi đừng tan đi,
như tiếng em gọi mây trắng mãi
cùng em bay trong cuộc đời ...

WHITE CLOUDS

[By] the river bank [and] the green
grasses the dew has faded but
the river is still dreamingly
asleep beside your white long dress
and the hat like the color of
white clouds, sit alone, wait for the river
to wake up calling out names, when
your heart is already faded
[with] the dew like the dew of green
grasses already faded like
your white long dress waiting to call
white clouds please don't fade away, like
your voice calling white clouds to
be forever with you, fly in life ...

AN APPLE

Hắn ăn sáng xong liền rửa
tay, cầm con dao con gọt
vỏ quả táo xoay tròn xoay
tròn vòng quanh vòng quanh mà
hắn cảm giác như đang gọt
từng lớp vỏ trái đất xoay
tròn, vòng quanh, xoay tròn, vòng
quanh thì đột nhiên ở bên
ngoài nổi lên cơn gió lốc
đập toang cánh cửa sổ ... trong
khi hắn đang gọt dở, với
một lớp vỏ thật dài ...

AN APPLE

He finishes his breakfast and
immediately washes his hands,
holds the small knife peeling the apple's
skin in circling rotation, circling
rotation around around which
he feels like peeling each skin of
the earth in circular rotation,
around, circular rotation,
around, then suddenly from
outside emerges a wind storm
[which] beats the whole window ... while
he's still in the progress of peeling
a long skin ...

TRÔNG RỖNG

Vào lúc không-khi-nào, tôi đang đứng
gần chỗ không-nơi-nào, tôi đã gặp
và làm quen với một người tên là
Không-Ai-Cả. Hai chúng tôi chào hỏi
nhau bằng không-câu-gì, rồi bắt đầu
chuyện trò với nhau nhiều thứ, đại loại
như về việc không-vấn-đề-gì. Rồi
tôi phải đi, người đó cũng phải đi.
Chia tay, đọng lại trong tôi không-một
-ý-nghĩ. Tôi về viết một bài thơ
trong đó không-có-một-ký-tự-nào,
để chia sẻ với không-một-người-nào
một câu chuyện không-có-nội-dung-gì*.

(*) hẫng-không-

EMPTINESS

In the moment of not-ever, I'm standing
Near the point of no-place, where I had met
and befriended a person named No-body.
Both of us greeted each other by no-
sentences, then started to talk with each
other about many things, on the whole
about the matters of no-problem. Then
I had to go, that person also had
to go. Good-bye, instilled in me not-one-
thought. I returned home and wrote a poem,
in it no-one-character to share with
no-body-whatever, one story
surely has no-storyline-whatsoever.*

* not (no-storyline)

... LÀ CÁI GÌ THÌ CÒN TÙY ...

Nó là Cái Bàn. Nhìn từ
dưới lên cũng thấy nó là Cái Bàn.
Nhìn từ trên xuống cũng thấy
nó là Cái Bàn. Nhìn từ hướng Đông,
hay Nam, hay Tây, hay Bắc
đều thấy nó là Cái Bàn. Không có
Cái Bàn nào trong bất cứ
góc nhìn nào là giống nhau, nhưng không
có Cái Bàn nào trong những
góc nhìn đó không phải là Cái Bàn

này ... Cái Bàn thì không phải
chỉ có duy nhất một Cái Bàn này,
dễ dàng tìm thấy Cái Bàn
có ở bất kỳ nơi đâu nhưng không
bao giờ thật sự tìm được
hai Cái Bàn giống nhau như đúc, bởi
vì có muôn ngàn nguyên do
làm cho chúng không hoàn toàn giống nhau...

Khi được gọi là Cái Bàn
thì chúng mang thuộc tính của Cái Bàn
tương tự như những cái được
gọi là Cái Bàn khác, nhưng coi chừng!
Có những cái xét ra đều

... WHAT IT IS STILL DEPENDS ...

It is a Table. Seen from
the bottom up one sees that it
is a Table. Seen from above
down one also sees that it is
a Table. Seen from East or
South, or West, or North all see that
it is a Table. No Table
in any perspective is the same,
but no Table whatsoever
within that perspective is not

this Table ... There's not just this one
Table, one can easily find
a Table anywhere but never
truly find two Tables identical,
because there are thousands of reasons
for them to not be totally

the same ... To be called a Table
without doubt. They do have attributes
of a Table just like other
things that are called Tables, but beware!
There are things that seem to have

có những thuộc tính của Cái Bàn nhưng
nó lại không phải Cái Bàn ...

Hãy cẩn thận! Nói nhỏ nè,
Nếu thấy tôi đang nói về Cái Bàn
thì cứ cho là tôi đang
nói về Cái Bàn. Nếu thấy không phải
chỉ đơn giản là đang nói
về Cái Bàn, thì có nghĩa là tôi
đang nói Một Điều-Gì-Đấy,
mà cái Điều-Gì-Đấy kia là cái
gì thì còn tùy mỗi người.

the same attributes of a table
but they are not Tables. Beware!

Let me tell you, if you think that
I'm talking about a Table
Then just think that I'm talking
about a Table. If you think
that I'm not simply taking
about a Table, then that means
I'm talking about one-particular-
thing, but what that one-particular-
thing still depends on each person.

VỆT MỰC VÀ TỜ GIẤY

Tôi quệt một vệt đen lên tờ giấy.
Một vệt đen trên tờ giấy trắng.
Tôi mang đi hỏi người. Có người nói:
"Một vệt đen". Tôi thì nói: "Một tờ
giấy trắng có vệt đen". Lại nữa, tôi

quệt một vệt đen lên tờ giấy đen.
Tôi mang đi hỏi người. Ai cũng bảo:
"Một tờ giấy đen". Có thể vì không
ai thấy vệt đen. Một vệt đen trên
tờ giấy đen thì làm sao mà thấy!
Duy chỉ mình tôi biết rõ, trên tờ
giấy đen có vệt đen. Lại nữa, tôi ...

THE BLACK MARK AND A PIECE OF PAPER

I make a black mark on a piece
of paper. A black mark on a
white sheet. I bring it to ask people.
Some say a black mark. Some say one
sheet of white paper. I would say,
“One sheet of white paper has a
black mark.” Again, I make a black
mark on a piece of black paper.

I bring it to ask people. Everyone
says a black paper. Perhaps
because no one sees the black mark.
A black mark on a black piece of paper
is hard to see! But only I
know for sure on the sheet of black
paper that there’s a black mark. Again, I

HAI CÂU

Tôi nhặt được một câu thơ bên
vệ đường trên gói xôi nóng hổi
mà bà lão bán xôi vừa cho
người ăn mày, bên hông xe đẩy
của bà lão tôi thấy một tấm
biển nhỏ ghi chữ "1 ngàn / gói" *.

Tôi nhặt được một câu thơ trong
một nhà hàng trên món Cua Hoàng
Đế mà một đại gia vừa gọi
để làm vừa lòng cô gái ăn
mặc như một con điểm, menu
đề giá "1 triệu 5 trăm ngàn".

Tôi ghép hai câu ấy lại thành
bài Tân Hình Thức và tôi viết
phía sau những con chữ đang hiển
hiện này, ai đọc được thì đọc!

Chú thích

* Tiền Việt Nam: 1 ngàn bằng khoảng 15 cent Mỹ.
1 triệu 500 ngàn bằng khoảng 100 đô la Mỹ

TWO SENTENCES

I picked up a poetry line on
the sidewalk, on the hot sweet-rice
bundle, which the old woman
just gave away to the beggar.
On the pushing cart she owns I
see a small sign that says,
“1 thousand / bundle”

I picked up a poetry line in
a restaurant, on the Crab King
dish, which a wealthy man just ordered
to please the young woman dressed
like a hooker, the menu has
the price, 1 million 5 hundred thousand

I put together those two sentences
to make a New Formalism poem
and I write behind the words that
are visible here, whoever can
read shall read!

Note

* Vietnamese monetary transaction: 1 thousand VN dong is roughly equivalent to US\$ 0.15. 1 million and 500 thousand VN dong is roughly equivalent to US\$ 100.00.

ĐIÊN

Hắn thích chạy vòng vòng và
vừa chạy vừa quay, vậy mà hắn không
chóng mặt thậm chí hắn còn
cười khoái chí, hắn cứ chạy vòng vòng

ngày này qua ngày khác và
vừa chạy vừa quay, lúc tỉnh cũng như
lúc say, ban ngày cũng như
ban đêm, hắn không ngủ, người ta bảo

hắn điên và khẳng khẳng bảo
hắn điên hắn vẫn chạy vòng vòng, và
vừa chạy vừa quay cho giống
sự chuyển động của cái hành tinh mà

hắn và loài người đang sống

...

(SOME) INSANE PEOPLE

He likes to run in circles
and spins while running, but he is
not dizzy he even
laughs joyously, he keeps running

in circles day after
day and spins while running, conscious
times as drunk times, days as
nights, he's not asleep, everyone

says he is crazy and
persists in saying he is crazy
and he still runs in circles,
and spins while running so that,

the movements of the planet
which he and the human are living.

...

PHIÊN CHỢ

Những con người cũ và những mặt
hàng cũ, những người bán hàng cũ
bán những mặt hàng cũ cho những
người mua cũ, những người mua cũ

mua lại những mặt hàng cũ của
những người bán cũ, cả phiên chợ
rộng mênh mông toàn những đồ cũ
được trao qua đổi lại giữa những

con người cũ, chẳng có cái gì
mới, vì tất cả những cái tưởng
chừng rất mới đều là những cái
rất cũ, tất cả những cái tưởng

chừng rất mới ấy đều là những
cái rất cũ, từ những cái rất
cũ, thuộc về những cái rất cũ
được sản xuất lại, bằng những dây

chuyên cũ, công nghệ cũ, con người
cũ, trông cứ như là mới, thật
ra là mới nhưng thật ra lại
vẫn rất cũ, những mặt hàng cũ

MARKET DAY

Old people and old goods, old
sellers sell old goods to old
buyers, old buyers buy old
goods from old sellers, the whole

market is wide and spacious
with used goods that have been ex-
changed between the old people,
there is nothing new, because

all the items thought to be
brand new are really aged things,
all those imagined new items
are the very old things, from

the real old things, belongs to
the really out-dated things
that were reproduced, using
the old production process,

old technology, old labor,
seems like new, is really new
but then is still really old,
the old goods from the old places

từ những nơi cũ được bán qua
bán lại, mua qua mua lại giữa
những con người cũ, rồi lại trở
về những nơi cũ, chẳng có cái

gì mới, từ phiên chợ này đến
phiên chợ khác, từ tuần này đến
tuần khác, tháng này đến tháng khác,
năm này đến năm khác, những mặt

hàng cũ đã bán rồi vẫn bán
lại, những mặt hàng cũ đã mua
rồi vẫn mua lại, chẳng ai bán
được cái gì mới, cũng chẳng ai
mua được cái gì mới, và cũng

chẳng có ai mới, ai cũng rất
cũ, vô tình cũ, cố tình cũ,
bị bắt ép phải cũ, tình nguyện
cũ, cũ đến nhàm chán, đến chẳng

are being sold over and over
again, bought over and over
again among certain old
people, and then being returned

to the old places, there's nothing
new, from this market day to
another market day, from
this week to another week,

this month to another month,
from year to year, the old goods
that were sold already are
still being sold again, the

old goods that were bought are being
bought again, nobody can
sell any new goods, and nobody
can buy any new goods, and

so nobody is new, everyone
is very old, unintentionally
old, purposely old, forced to
be old, volunteer to be

old, old to boring, to the
point that they cannot be any
older, the older it gets, the
more we think it's novel, the

thể cũ hơn được, đến càng cũ
lại càng tưởng rằng rất mới, càng
đi về phía cũ thì lại tưởng càng
đi về phía mới và cứ thế ngày

lại ngày các phiên chợ diễn ra
sôi nổi, háo hức ...

further back to the old way,
the more we imagine, we
are going toward the new
direction, and like that, day

after day, the market day
takes place with excitement and
enthusiasm.

BÀI THƠ VỀ NHỮNG QUE DIÊM

I

Một buổi chiều, và vì thế mà rất
có thể là một buổi chiều của ngày
thứ năm nào đó, những que diêm tự
nhiên cảm thấy sự chật chội trong cái

vỏ diêm của chúng càng lúc càng trở
nên cùng cực đến không thể chịu được
nữa, bèn, lúc đầu là cục cựa, xoay
sở và sau đó là lấy hết can

đảm cố thoát ra ngoài, để rồi ngay
sau đó rơi vào một cái vỏ diêm
khác dài hơn và rộng hơn như hầu
hết những que diêm khác cùng cảnh ngộ...

II

Những que diêm, sau đó lại hết sức
thêm một lần nữa và những lần nữa,
cố gắng thoát khỏi những cái vỏ diêm
cũ để rồi cuối cùng lại chui vào

THE POEM ABOUT THE MATCHES

I

One afternoon, and thus perhaps it can
be an afternoon of any Thursdays,
the matches suddenly feel cramped in their match
box [it] becomes more extreme to the point

of being unable to withstand it
anymore, then, in the beginning [it's]
twist and turn, contrive and then get all
the courage to escape to the outside,

then instantly to fall into another
match box longer and wider than the rest
of the other matches in the same plight...
The matches, after that [they] again use

II

all the strength once more and more again,
try to escape from the old match boxes
and at the end to creep again into
the new match boxes, and just like that,

những cái vỏ diêm mới, và cứ thế,
cứ thế, khi chúng đã tưởng không thể
thoát khỏi số phận đã định là ở
trong những hộp diêm thì những que diêm

tự nhiên lại nảy ra được một ý
tưởng cực kỳ giản dị là đăng nào
cũng cháy thôi thì cứ cháy bùng lên,
cháy luôn cả những cái vỏ vô dụng

từ trước vẫn khẳng khẳng tự nhận bảo
hộ chúng về mọi mặt.

10 / 09

like that, when they thought it's impossible
to be released from the given fate which
is to live in the match boxes, the matches
suddenly have an extremely simple

thought which is regardless they'll burn so,
just burn intensely, even burn the useless
match boxes [which] have always insisted
on protecting them in all aspects.

X VÀ Y

Một hôm, chợt x và y không
muốn vẫn là x và y nữa.
Chúng muốn hóa thân thành những x1,
y1, thành những x và những y

nào đó. Để rồi một lúc nào
đó, những x, y này chợt thấy trái
đất chúng đang sống thật bé nhỏ.
Và càng bé nhỏ hơn là những

kho tàng, những ngôi nhà, những khu
phố, những thành phố với những bảng
chữ cái, những mẫu câu cú, những
phép tắc chặt chẽ mà người ta

vẫn gọi là ngữ pháp, hình thức,
thể thức, thể nọ thể kia hay
những gì tương tự như thế. Bực
mình, chúng bèn bám càng những tia

sáng, bay đến một hành tinh khác,
ở đây không có ngôn ngữ, người
ta chẳng tư duy bằng ngôn ngữ
nhưng người ta cũng vẫn tồn tại.

3 – 10 – 09

X AND Y

One day, randomly *x* and *y* no
longer want to be *x* and *y*. They
want to incarnate to be the *xI*,
yI, be the *xs* and *ys* of somewhere.

Then there is that time, these *xs*, *ys*
suddenly see the earth where they're
living is very small. And smaller
are the treasures, houses, neighborhoods,

cities with upper case letters, sample
sentences' syntaxes, the tight rules
that people still call grammar, forms,

modalities, this state, that state, or
things that are similiar to that.
Annoyed, they then cling to the rays
of light, fly to another planet,

there's no language there, people
people don't think in languages
but people still exist.

NƠI ĐANG VỠ

Dưới buổi sáng đang vỡ ra những
bình yên cũ, tôi chỉ biết nhìn
vào nơi tròn trĩnh rất nhỏ của
hạt sương còn trĩu nải trên lá,

trên say sưa xanh bờ cỏ. Chúng
nằm đó tựa trên mặt đất, như
những tâm hồn nhỏ bé. Có lẽ
chỉ có chúng còn chưa hết hoảng

về sự mong manh của vòng tròn
vững chãi chúng đang nương tựa, nơi
buổi sáng chúng tưởng chỉ mãi có
ánh nắng mặt trời. Nơi ai đó

vừa uống ly cà phê cuối cùng,
vừa soi gương chưa kịp hoàn chỉnh
nụ cười, ai đó cũng vừa ngã
xuống với hình ảnh khiếp đảm của

THE BREAKING PLACE

Under the breaking-of-the-
old-peace morning, I only
know to look into the small
beads of dew drops which are still

on leaves, which are still in
ecstasy on green grasses.
They lie there leaning on earth,
like small souls. Perhaps only

they have yet to be frightened
of the fragility of
the rock-hard circles that they're
depending on, where in the morning

they thought only to have
the forever sunshine. Where
somebody just drank the last
cup of coffee, just looked yet

to perfect the smile in mirror,
somebody had just fallen
down with the awful image
of fire, somebody just jumped

lửa, ai đó vừa nhảy ra khỏi
cửa trong chớp mắt vô tận của
cái rơi. Cứ hình dung ra ngàn
ngàn cái cuối cùng như thế, tôi

thốt nhiên chỉ muốn thu mình hết
sức có thể, để càng nhỏ càng
tốt. Không gian tôi để mắt dè
chùng, khoảng cách tôi dễ dàng tự

vệ, nhưng nỗi sợ này nó không
đến từ phía trước, nó không rình
ở phía sau, phía bên cạnh, nó
vỡ ra từ bên trong thân thể

11/2001

Cảm xúc về ngày 11 tháng 9 năm 2001, khi hai chiếc phi cơ
khủng bố phá hủy hai tòa tháp đôi ở New York.

out the door within
the eternal blink of the fall.
Just imagine thousands and
thousands of endings like that,

I abruptly only want
to keep to myself as best
as I can, so the more isolated
the better. My sphere keeps

guarding eyes, distance
I can easily defend
but this fear does not come
from the front, it does not

stalk from behind, from the sides,
it breaks from within the body.

The emotions of the 9.11.200, when the two terrorists' airplanes destroyed the Twin Towers in New York.

CẢM GIÁC SÓNG

Trên điểm tựa dịu dàng
tôi thấy mình bay lên
với đôi cánh màu xanh,
bung mình, cảm giác biếc.

Con sóng tôi dâng lên
dào dạt, hương biển xanh
dâng lên, dâng lên và
nở hoa, dâng lên, dâng

lên và vỡ tràn, dâng
lên, dâng lên và xoá
hết – sóng men bia sủi,
bờ cát ngọt – dấu vết

tôi – thành tựu giấc mơ.

THE SENSATION OF WAVES

On gentle key point
I see I'm flying high
with the green wings wide
open, feeling bluish *
I, the waves, rise up
overflowing, the blue
sea scents rise up, rise
up and bloom flowers, rise up, rise
up and break open, rise
up, rise up and expunge
all – standing waves' ferments,
sweet seashore – my trails –
achieving dreams.

* Blue in Vietnamese is a symbol of hope.

NGÓ LÊN TRỜI

Có phải tôi đã ảo tưởng
khi nói đi nói lại về
cái mênh mông của màu xanh
không biên giới: một bầu trời?

Sáng nay buồn buồn trông lên,
cái nhìn tôi như không thể
đi xa hơn được nữa. Nỗi
sợ, sợ giấc mơ của tôi,

Của anh, của cánh diều chìm
trong những phân chia ranh giới.
Có lẽ rồi chỉ còn mây
đi qua được, những bảng cấm.

Có lẽ rồi chỉ còn những
mảng xanh vớt vát được nơi
ánh nhìn của người mơ mộng.

LOOKING UP THE SKY

Was I imagining when
I talk and talk about
the immensity of color
blue without frontiers: the blue

sky? This morning, all saddened
I look up, my view seems
unable to go any further.
The fear – I fear the dreams of

mine, of yours, of the kite wings
that disappear into
the divisions of border
lines. Perhaps then only clouds
travel through the forbidden

signs. Perhaps then only pieces
of blue can be saved from the
view of the dreamers.

NOTES ON CONTRIBUTORS

Angela Saunders

She is the poetry editor for BellaOnline and for “Mused” online literary magazine. Additionally she is the program coordinator for a national Deaf-Autism program and a national speaker on topics related to Deafness, Autism, and language barriers created by the two disabilities. She is a co-author of the book “Road To Hope” and has written several educational poetry books to teach life skills to the Autistic children in her program.

Biển Bắc

Born in Sài Gòn. He left Việt Nam at the age of twelve. Presently living and working in Holland.

Bỉm

(Nguyễn Duy Biểu)

Born 1987 in Thái Bình. He lives in Sài Gòn Việt Nam.

Đài Sử

Born in 1966 in Việt Nam.

Đặng Xuân Hương

Born in 1960 in Phước Tuy. Resettled in California, USA.

Đỗ Quyên

Born 1955 in Hà Nội, Việt Nam. He currently lives in Vancouver, Canada. He writes poetry, short stories, interviews. He has published *Nhìn Thấy Cây Rừng*, interview. His Poems have appeared in *Tuyển Tập Thơ Văn Hải Ngoại* (2000) and *26 Nhà Thơ Việt Nam đương Đại* (2002).

Đỗ Vinh

(Joseph Dovinh)

Born 1968 in the Central Highlands of Việt Nam. He immigrated with his family to the United States in 1975 and studied at the University of Washington, where he earned his Bachelor's degree in Political Science. He became active in the literary circles of the Pacific Northwest in the mid-1980's through the early 1990's; regularly attends *Red Sky Poetry* readings and appears at *Bumbershoot* open mikes. During this time, Dovinh was exposed to the writings of *Sam Hamill*, *William Stafford*, *Nelson Bentley*, *Raymond Carver* and *Eric Scigliano*. His poetry and writings have appeared in *Tiên Rồng*, *The New Asian Journal*, *The Seattle Weekly*, *The Vietnam Forum of the Yale University*, *Ngươi Việt*, *Việt Báo*, *Vien Dong*, *Van Hoa*, *Việt Weekly* and *Tạp chí Thơ* (Journal of Poetry). He gave readings at *World Beyond Festival*, *Beyond Baroque* and *LA Poetry Festival* as part of their Newer Poets series in 2001 and 2002.

Đoàn Minh Hải

Born 1941 in Hải Dương, Hải Phòng, Việt Nam. Began writing poetry in 1958, published in *Phổ-Thông*, *Văn-ngệ Học Sinh*, *Kỷ Nguyên Mới*, *Mã-Thượng*, *Gió Ngàn Phương*, *Gió Mới*, *Giữ Thơm Quê Mẹ*, *Đối-Thoại*, *Trước Mặt*, *Tham-Dự*, *Khởi-Hành*. Founder and Publisher of *Nguyệt San Cùng-*

Khổ. Major literary work: *Đại Nguyên Của Đá* (2002) (A Will of Stone).

Gyảng Anh Iên

(Bùi Đức Nguyên Vũ)

Born March 1984. He participated in the 2000 and 2005 competitions for students, and won two awards: the 2000 award was for essay on forestry, and the 2005 for poetry. Gyang Anh Iên's poems appeared mostly in *Tạp Chí Thơ* (Journal of Poetry), and recently via electronic journals, including *Tiền Vệ*, *Tân Hình Thức*. Presently living in Việt Nam.

Huy Hùng

(Phạm Đình Hùng)

Born in 1982 in Ninh Bình. Presently living and working in Tam Điệp, Ninh Bình, Việt Nam.

Khế Iêm

(Lê Văn Đức)

Born in Lê Xá, Vụ Bản, Nam Định, North Việt Nam, in 1946 (Birth Certificate shows 1947). Founder and editor in chief of *Tạp Chí Thơ* (Journal of Poetry) from 1994 to 2004, editor of online Câu Lạc Bộ Thơ Tân Hình Thức (Journal for New Formalism Poetry Club), www.thotanhinhthuc.org since 2004. His translated poems have appeared in *Xconnect* (volume III, Issue II), *Literary Review* (Winter 2000), and *The Writers Post*. His essays have appeared in *The Writers Post*. He has published *Hột Huyết* (Blood Seed) play, 1972, *Thanh Xuân* (Youth) poetry, 1992, *Dấu Quê* (Vestiges of the Homeland), poetry, 1996, *Thời của Quá khứ* (A Time Past), stories, 1996, *Tân Hình Thức*, *Tứ Khúc Và Những Tiểu Luận*

Khác (New Formalism, four quartets, and the other essays), 2003.

The essay “Contemporary Vietnamese Poetry: On The Path Of Transformation” was his presentation given at the annual meeting which was held by the Association for Asian Studies (ASS), on March 4, 2004 in San Diego, California.

He has edited *Blank Verse* (2006) and *Poetry Narrates* (2010); both are Vietnamese New Formalism Poetry. His collection of poems, a bilingual edition, is *Budweis er, Vietnamese New Formalism Poetry And In Between*.

Inrasara

(Phú Trạm)

Born 1957 in Chakleng, Ninh Thuận, Việt Nam. Educated at High School Po-Klong (1969), Faculty of Pelo in Hồ Chí Minh City (1977). In 1978, he left the University without taking a degree to have time for wandering and writing poetry. He is the author of more than fifteen books of poetry, research and translation, and winner of several literary awards. Apart from his books, he published more than three hundred pieces of essays, poems, short stories and traveling notes in many journals at home or abroad, including *Nhà Văn*, *Văn Nghệ*, *Văn Nghệ Trẻ*, *Văn Nghệ Dân Tộc*, *Văn Tp. Hồ Chí Minh*, and *Tạp Chí Thơ*.

Lý Đợi

Born 1978, in Khúc Lũy, Điện Minh, Việt Nam. Earned his Bachelor's of Literature in 2001. Presently living in Sài Gòn holding various jobs as cook, painter, writer, and teacher. Books published: *Vòng Tròn Sáu Mặt*, (Six-Sided Circle),

2002, *Mở Miệng* (Open Mouth), 2002, *Bảy Biển Tầu Con Nhện*, 2003.

Nguyễn Đình Chính

Born in 1946. Joined the ranks of the North Việt Nam Army (NVA) in 1965. Discharged in 1976 as a two-quarters disabled veteran. He has many years of experience in the fields of film-making, theatre, newspaper and media. Presently, he resides in Hà Nội. His works include Novels: *Xưởng Máy Nhỏ Của Tôi*, 1976; *Nhớ Để Mà Quên*, 1998, translated into French; *Con Phù Du Cánh Mộng*, 1986; *Đêm Thánh Nhân*, volume I, 1998. Scripts: *Rừng Lạnh*, *Bãi Biển Đời Người*, *Hồi Chuông Màu Da Cam*, *Người Trên Mặt Sông và Hòn Đảo Chìm Xuống*. Plays: *Duyên Nợ Trần Gian* (Theatral Festival Award, Korea, 2002).

Nguyễn Hoài Phương

Born 1956 in Nam Định, Bắc Việt, North Việt Nam. Emigrated from Vietnam in 1988, presently living in Germany. Poetry published in *Tạp Chí Thơ*, *Hợp Lưu*, *Văn Học*, *Làng Văn*. His works: *Chuyện Tình Thời Thổ Tả*, *Chuyện Đồng Hương*.

Nguyễn Phan Thịnh

Born 1943 in Hà Nam, resettled in South Việt Nam in 1954. He started in the literary community with his poems contributed to several magazines published in Sài Gòn before 1975 and to overseas journals after 1975. He is the author of four books of poetry. He died in 2007 in Sài Gòn, Việt Nam.

Nguyễn Thị Khánh Minh

Born in Nha Trang, Việt Nam. Bachelor of Law, 1974. Presently living in California, USA.

Phạm Kiều Tùng

Born in 1941 in Hà Nội, Viet Nam. He currently lives in Pflugerville, Texas.

Phan Khế

Born in Sài Gòn, Việt Nam. Presently living in California, USA.

Phan Tấn Hải

Born 1952 in Sài Gòn, Việt Nam. Writes poetry and short stories, and translates. Works professionally as a journalist. Published short stories: *Cậu Bé Và Hoa Mai* (A Young Boy and Plum Blossoms, 1986; poetry: *Một Nơi Gọi Là Việt Nam* (A Place Called Vietnam) 1987; essays: *Vài Chú Giải Về Thiền Đốn Ngộ* (A Study of Don Ngo Zen Buddhism), 1990.

Richard H. Sindt

English language consultant

Richard H. Sindt has a strong interest in Vietnam. He lived in Vietnam during the War – in 1967 and in 1969-1970, serving as a mapmaker in the US Army. He visited Vietnam for a month in 1997 – traveling from Hanoi to Ho Chi Minh City. He moved to Vietnam in 1999, and taught English for 2&1/2 years. He has written numerous letters and essays about Vietnam. He plans to return to Vietnam again to teach English and to write more about Vietnam. Richard H. Sindt was born and raised in Boulder, Colorado. He earned a BS degree in Geography at Arizona State University. He cur-

rently lives in Orange County, California, and is an English language consultant.

Thiên Đăng

(Nguyễn Quanh Tịnh)

Graduate of Oriental Studies, Hà Nội University. Presently living and working in Đồng Nai, Việt Nam.

TPKỳ

Born in 1951, residing in Đà Nẵng. Published collection of poetry ‘Green Leaves from You’, 1989. Presently researching ethnic Chăm minorities.

Trần Phục Khắc

(Đoàn Minh Đức)

Born 1958. Resettled in the United States in 1980.

Trần Vũ Liên Tâm

(Michelle Trần)

Born in Pleiku, Vietnam, in 1981, and left Việt Nam at the age of ten. Bachelor of English, 2006; Master of Business Administration, 2009. She’s a working writer in Roanoke, VA. Her favorite poets are: e.e.cummings, Sylvia Plath, Emily Dickinson, Ted Kooser, Bùi Giáng, Nguyễn Tất Nhiên, Du Tử Lê, and Nguyễn Phước Nguyên. She has self-published “*Tâm*”, a private poetry collection, in May 2006.

